

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**Quyết định số 933/QĐ-UBND ngày 24 tháng 02 năm 2025
về việc phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính
trong lĩnh vực đăng kiểm thuộc chức năng quản lý nhà nước của
Sở Giao thông vận tải Hà Nội**

(Tiếp theo Công báo số 253+254)

Phụ lục II

**NỘI DUNG CÁC QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC ĐĂNG KIỂM THUỘC CHỨC NĂNG
QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 933/QĐ-UBND ngày 24 tháng 02 năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)*

II. QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA TRUNG TÂM ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI HÀ NỘI

1. Quy trình Cấp Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy), xe máy chuyên dùng trong trường hợp miễn kiểm định lần đầu (QT-05)

1	Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thực hiện thủ tục Cấp Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy), xe máy chuyên dùng trong trường hợp miễn kiểm định lần đầu.
2	Phạm vi: - Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân (chủ xe) mang giấy tờ xe nộp hồ sơ bằng hình thức trực tiếp tại Trung tâm đăng kiểm hoặc qua hệ thống trực tuyến tại địa chỉ: https://mienkd.vr.org.vn. - Cán bộ, viên chức Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hà Nội thuộc Sở GTVT Hà Nội. - Cán bộ viên chức tại Bộ phận một cửa của Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hà Nội. - Khuyến khích các Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới ngoài công lập áp dụng Quy trình này trong giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân.
3	Nội dung quy trình - Đối tượng miễn kiểm định lần đầu là xe chưa qua sử dụng có năm sản xuất đến năm nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận kiểm định dưới 02 năm (năm sản xuất cộng 01 năm) và không bao gồm: xe đã cải tạo; xe không có trong cơ sở dữ liệu xe sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu của Cục Đăng kiểm Việt Nam; - Không áp dụng với đối tượng xe mô tô, xe gắn máy.
3.1	Cơ sở pháp lý:

	- Thông tư số 47/2024/TT- BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định trình tự, thủ tục kiểm định, miễn kiểm định lần đầu cho xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; trình tự, thủ tục chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo; trình tự, thủ tục kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy. - Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn; - Thông tư số 36/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn; - Quyết định số 1504/QĐ-BGTVT ngày 09/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ trong lĩnh vực đăng kiểm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải; - Quyết định số 60/QĐ-TTPVHCC ngày 23/01/2025 của Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công Thành phố về việc công bố danh mục TTHC mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ lĩnh vực đăng kiểm thuộc chức năng quản lý nhà nước của Sở Giao thông vận tải thành phố Hà Nội.		
3.2	Thành phần hồ sơ		
	Tài liệu Xuất trình:		
	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	+ Chứng nhận đăng ký xe; bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính chứng nhận đăng ký xe.	X	X

	+ Giấy hẹn cấp chứng nhận đăng ký xe.	x	
	+ Giấy chứng nhận kết quả kiểm định còn hiệu lực (bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính) đối với: thiết bị nâng hàng có sức nâng theo thiết kế từ 1.000 (kg) trở lên; thiết bị nâng người có chiều cao nâng lớn nhất lớn hơn 2,0 (m); xi téc chở khí hóa lỏng, khí dầu mỏ hóa lỏng, khí thiên nhiên nén hoặc các chất lỏng có áp suất làm việc cao hơn 0,7 (bar) hoặc chất lỏng hay chất rắn dạng bột không có áp suất nhưng khi tháo ra dùng khí có áp suất cao hơn 0,7 (bar) theo quy định tại Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động.	x	x
	Tài liệu nộp:		
	- Bản chà số khung, số động cơ của xe; - Bản sao phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng (đối với xe sản xuất, lắp ráp trong nước).		
3.3	Số lượng hồ sơ: 01 bộ		
3.4	Thời gian xử lý: Kiểm định tại Trung tâm Đăng kiểm: trong ngày (giờ hành chính) khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.		
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả		
	- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hà Nội: + Trung tâm Đăng kiểm 3301S: Km 15 - Quốc lộ 6 - Phường Yên Nghĩa – Quận Hà Đông - Thành phố Hà Nội.		

	+ Trung tâm Đăng kiểm 3302S: Phường Quang Trung-Thị xã Sơn Tây- Thành phố Hà Nội. - Nộp hồ sơ qua hệ thống trực tuyến: Trung tâm thực hiện như với trường hợp nhận trực tiếp nhưng trên hệ thống trực tuyến. + Trung tâm lập phiếu hồ sơ phương tiện. + Trung tâm cấp giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định ngay trong ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. Trường hợp xe chỉ có giấy hẹn cấp chứng nhận đăng ký xe, cơ sở đăng kiểm cấp tem kiểm định và giấy hẹn trả giấy chứng nhận kiểm định cho chủ xe và chỉ thực hiện cấp giấy chứng nhận kiểm định sau khi chủ xe xuất trình giấy tờ về đăng ký xe.			
3.6	Phí, lệ phí			
	Lệ phí cấp giấy chứng nhận: 40.000 đồng/01 Giấy chứng nhận kiểm định, riêng đối với ô tô dưới 10 chỗ ngồi (không bao gồm xe cứu thương): 90.000 đồng/01 Giấy chứng nhận kiểm định.			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
	<i>Đối tượng miễn kiểm định lần đầu là xe chưa qua sử dụng có năm sản xuất đến năm nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận kiểm định dưới 02 năm (năm sản xuất cộng 01 năm) và không bao gồm: xe đã cải tạo; xe không có trong cơ sở dữ liệu xe sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu của Cục Đăng kiểm Việt Nam</i>			
	+ Nhận hồ sơ trực tiếp + Nhận hồ sơ qua hệ thống trực tuyến tại địa chỉ: https://mienkd.vr.org.vn		Trong ngày làm việc (giờ hành chính)	

B1	- Đối với hồ sơ nộp trực tiếp theo đúng quy định, hồ sơ đầy đủ tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ xe không bị từ chối kiểm định và xe chưa được cấp miễn kiểm định lần đầu, + Lập phiếu kiểm soát kiểm định. + Lập phiếu hồ sơ phương tiện + Tiến hành lập hồ sơ phương tiện + Chuyển hồ sơ phương tiện cho lãnh đạo ký duyệt + Thu phí sử dụng đường bộ	Nhân viên nghiệp vụ kiểm định	Tối đa 01 Giờ ngay sau khi nhận hồ sơ	- Phiếu kiểm soát kiểm định (<i>Phụ lục IV – TT47</i>) - Phiếu hồ sơ phương tiện (<i>Phụ lục II – TT47</i>)
	- Trường hợp nhận hồ sơ trực tiếp: không đầy đủ thì hướng dẫn chủ xe hoàn thiện hồ sơ; nếu xe thuộc trường hợp bị từ chối kiểm định theo quy định của Nghị định về điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới; tổ chức, hoạt động của Trung tâm đăng kiểm; niên hạn sử dụng của xe cơ giới (sau đây gọi là xe bị từ chối kiểm định) hoặc đã được cấp miễn kiểm định lần đầu, thông báo gửi trực tiếp cho chủ xe.	Nhân viên nghiệp vụ kiểm định	Tối đa 01 Giờ ngay sau khi nhận hồ sơ	Phiếu hồ sơ phương tiện
	- Trường hợp nhận hồ sơ qua hệ thống trực tuyến:	Nhân viên nghiệp vụ kiểm định	Tối đa 1 ngày làm việc	- Phiếu kiểm soát kiểm định.

	Cơ sở đăng kiểm thực hiện như với trường hợp nhận trực tiếp nhưng trên hệ thống trực tuyến.		(giờ hành chính)	- Phiếu hồ sơ phương tiện - Giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định
B2	Kiểm định phương tiện: - Đăng kiểm viên thực hiện kiểm tra, đánh giá tình trạng ATK&BVMT của xe cơ giới: + Xe cơ giới kiểm định đạt yêu cầu: in Giấy chứng nhận, tem kiểm định + Xe cơ giới không đạt yêu cầu: in và gửi thông báo cho chủ xe những khiếm khuyết, hư hỏng để sửa chữa, khắc phục để kiểm định lại.	- Đăng kiểm viên - Nhân viên nghiệp vụ kiểm định	Tối đa 2,5 giờ	- Giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định, - Thông báo các khiếm khuyết hư hỏng của xe cơ giới
B3	Toàn bộ hồ sơ được trình cho Giám đốc/ Phó Giám đốc trung tâm xem xét duyệt lần cuối.	Giám đốc/Phó giám đốc Trung tâm	Tối đa 02 giờ sau khi kiểm tra	
B4	Sau khi được Giám đốc/Phó Giám đốc phê duyệt, nhân viên nghiệp vụ vào Sổ theo dõi cấp GCNKĐ, Tem kiểm định, phô tô hồ sơ lưu và hoàn thiện hồ sơ, lưu trữ hồ sơ.	Nhân viên nghiệp vụ kiểm định	Tối đa 1,5 giờ sau khi nhận hồ sơ	

B5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân và dán tem kiểm định lên phương tiện	Nhân viên nghiệp vụ kiểm định	Tối đa 01 giờ	Giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định; Sổ theo dõi quản lý nhập, cấp phát phôi GCNKĐ, Tem KĐ
B6	Thống kê, theo dõi và lưu hồ sơ	Nhân viên nghiệp vụ kiểm định	Giờ hành chính	Sổ theo dõi cấp phát Giấy chứng nhận và Tem kiểm định.
4	BIỂU MẪU			
	- Mẫu Thông báo kết quả kiểm tra, đánh giá; - Mẫu Giấy chứng nhận và Tem kiểm định.			

MẪU THÔNG BÁO KẾT QUẢ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ**CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM (MÃ SỐ) CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.....

THÔNG BÁO KẾT QUẢ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ**Về nội dung:** ☐ Tiếp nhận hồ sơ ☐ Kiểm tra, đánh giá hồ sơ☐ Kiểm tra, đánh giá xe ☐ Kiểm định xe

Kính gửi chủ xe:

I. Thông tin về hồ sơ/phương tiện⁽¹⁾:.....
.....**II. Nội dung đề nghị bổ sung, khắc phục/Nội dung không đạt⁽²⁾:**.....
.....**II. Thông tin khác: ⁽³⁾:**.....
.....**IV. Kết quả kiểm tra, đánh giá:** ☐ Đạt yêu cầu ☐ Không đạt yêu cầu

1. Thời gian trả kết quả kiểm tra, đánh giá hồ sơ:.....

2. Thời gian, địa điểm kiểm tra, đánh giá xe cải tạo:.....

.....
Cơ sở đăng kiểm thông báo để chủ xe

được biết và phối hợp thực hiện.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;

- Lưu ...

....., ngày tháng ... năm ...

Đại diện cơ sở đăng kiểm**Hướng dẫn ghi:***(1) Ghi biển số hoặc số khung trong trường hợp kiểm định; ghi ký hiệu thiết kế trong trường hợp cải tạo;**(2) Ghi rõ nội dung, hạng mục kiểm định hoặc kiểm tra, đánh giá hồ sơ không đạt;**(3) Ghi trường hợp xe bị từ chối kiểm định, xe đã được miễn kiểm định lần đầu, điều kiện đường thử phanh không đáp ứng.*

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH, TEM KIỂM ĐỊNH

Mẫu số 01. Giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định màu xanh lá cây dùng cho xe cơ giới sử dụng năng lượng sạch, năng lượng xanh, thân thiện môi trường

1. Mẫu Giấy chứng nhận kiểm định

CHỦ XE, LÁI XE CẦN BIẾT <i>Vehicle owners, drivers should be aware of the followings:</i> 1. Khi tham gia giao thông phải mang theo Chứng nhận kiểm định. Nộp lại Chứng nhận kiểm định và Tem kiểm định khi có thông báo thu hồi của các Cơ sở đăng kiểm. <i>Vehicle operators must carry the inspection certificate while in traffic. Return the inspection certificate and inspection sticker when receiving a withdrawal notice from the Inspection Centers.</i> 2. Không sử dụng Chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định bị sửa chữa, tẩy xóa nội dung và làm giả. <i>Do not use inspection certificates or inspection stickers that have been altered, erased, or forged.</i> 3. Phải bảo dưỡng, sửa chữa để bảo đảm duy trì tình trạng kỹ thuật của phương tiện; chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật đối với hành vi đưa phương tiện không đảm bảo an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường tham gia giao thông đường bộ. <i>Perform maintenance and repairs to maintain the vehicle's technical condition; legally liable for operating a vehicle that fails to meet technical safety and environmental protection requirements to participate in road traffic.</i> 4. Không cắt bỏ trái phép; cố ý can thiệp làm sai lệch chỉ số trên đồng hồ báo quãng đường đã chạy, cắt, hàn, tẩy xóa, đục sورا, đóng lại trái phép số khung, số động cơ. <i>Do not conduct unauthorized vehicle modifications; intentionally alter the odometer; or illegally cut, weld, erase, tamper with, or re-stamp the chassis number or engine number.</i> 5. Không tự ý can thiệp, thay đổi phần mềm điều khiển của xe, động cơ của xe đã được đăng ký với cơ quan quản lý nhằm mục đích gian lận kết quả kiểm định. Không thuê, mượn phụ tùng chỉ để thực hiện việc kiểm định. <i>Do not independently interfere with or alter the vehicle's control software or engine registered with regulatory authorities to manipulate inspection results; do not rent or borrow parts solely for inspection purposes.</i> 6. Chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định không còn hiệu lực khi xe bị tai nạn giao thông đến mức không đảm bảo an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường. <i>The inspection certificate and inspection sticker are no longer valid if the vehicle is involved in a traffic accident to the extent that it no longer meets technical safety and environmental protection requirements.</i>	BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM MOT – Vietnam Register No: (số seri) CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG XE CƠ GIỚI PERIODICAL INSPECTION CERTIFICATE OF MOTOR VEHICLE FOR COMPLIANCE WITH TECHNICAL SAFETY AND ENVIRONMENTAL PROTECTION REQUIREMENTS Biển đăng ký: _____ Số quản lý phương tiện: _____ (Registration plate) (Vehicle inspection N°) Nhóm phương tiện (Vehicle's group): _____ Loại phương tiện (Vehicle's type): _____ Sử dụng năng lượng sạch, năng lượng xanh, thân thiện môi trường: ☐ (Clean, green energy vehicle): Cho phép tự động hóa (Allows automation): ☐ Một phần (Partially) ☐ Toàn phần (Fully) Nhãn hiệu, tên thương mại: _____ (Trademark, Commercial name) Mã kiểu loại (Model code): _____ Số động cơ (Engine N°): _____ Số khung (Chassis N°): _____ Năm / Nước sản xuất: _____ Niên hạn sử dụng: _____ (Production year / Country) (Lifetime Limit to) Có kinh doanh vận tải (Commercial use): ☐ Có cải tạo (Modification): ☐
---	--

THÔNG SỐ KỸ THUẬT (SPECIFICATIONS) Công thức bánh xe: _____ Vết bánh xe: _____ (mm) (Wheel formula) (Wheel tread) Kích thước bao (Overall dimensions): _____ (mm) Kích thước lòng/bao thùng xe/bao ngoài xi téc: _____ (mm) (Inside/outside dimensions of cargo deck/outside dimensions of body) Khoảng cách trục (Wheel base): _____ (mm) Khối lượng bản thân (Kerb mass): _____ (kg) Khối lượng hàng CC theo TK/CP LN: _____ (kg) Khối lượng kéo theo TK/CP LN: _____ (kg) (Design/authorized towed mass) Khối lượng toàn bộ theo TK/CP LN: _____ (kg) (Design/authorized total mass) Số người cho phép chở: chỗ ngồi: _____ chỗ đứng: _____ chỗ nằm: _____ (Permissible No of pers carried, not include driver, seating, standing, lying) (Không bao gồm người lái) Loại động cơ đốt trong (Engine type): _____ Ký hiệu: _____ Thể tích làm việc: _____ (cm³) (Engine model) (Engine displacement) Công suất lớn nhất/tốc độ quay (Max output/rpm): _____ (kW/rpm) Loại nhiên liệu (Fuel): _____ Loại động cơ điện (Motor type): _____ Số lượng, ký hiệu động cơ điện: _____ (Number of motors, motor model) Điện áp: Tổng công suất của động cơ điện: _____ (V/kW) (Voltage: Total rated power of motor) Loại ắc quy/điện áp-dung lượng: _____ (V-Ah) (Type of battery/voltage-capacity) Ng: (số seri)	Số lượng lốp/cổ lốp/trục (The number of tires / tire size / axle): _____ ngày _____ tháng _____ năm _____ (Issued on: Day/Month/Year) CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM (INSPECTION CENTER) Số phiếu kiểm định: _____ (Inspection report N°) Có hiệu lực đến hết ngày (Valid until): _____ 1) Trừ in ảnh kích thước xe cơ giới kết vào tem kiểm định (kích thước 50 mm x 60 mm; dấu viết xe miễn kiểm định lần đầu ghi rõ: "Xe thuộc chế tạo miễn kiểm định lần đầu") (Image Position of Vehicle) Có lắp thiết bị giám sát hành trình (Equipped with tachograph): ☐ Có lắp thiết bị ghi nhận hình ảnh người lái xe (Equipped with camera): ☐ PT không được cấp Tem kiểm định (Vehicle not issued with inspection stamp): ☐ Ghi chú (Notes): (A) XXXXXXXXXX (A)
---	---

Chú thích:

- (1): Ghi chú các nội dung có trên giấy chứng nhận hoặc dữ liệu cấp cho xe cơ giới trong sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu; ghi chú khác (nếu có);
- (2): Dãy số được in tự động từ phần mềm quản lý kiểm định.

2. Mẫu Tem kiểm định



Chú thích:

- (1): In thời hạn tháng/năm hết hiệu lực;
- (2): In biển số xe được cấp tem kiểm định;
- (3): In thời hạn ngày/tháng/năm hết hiệu lực.

Mẫu số 02. Giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định màu vàng cam dùng cho các xe cơ giới khác

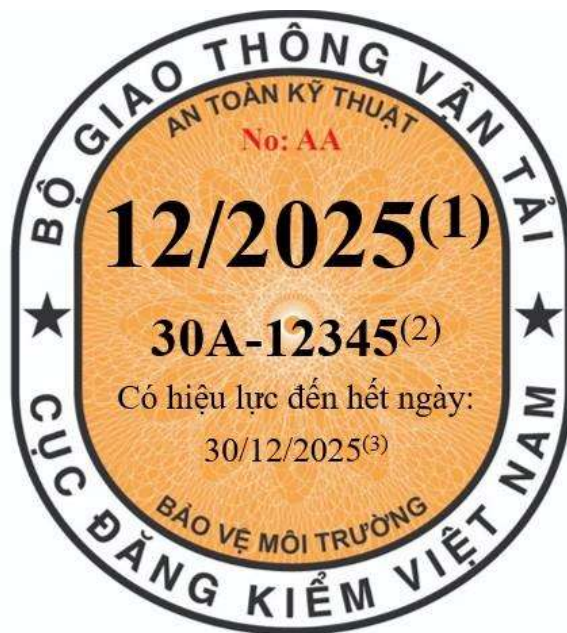
1. Mẫu Giấy chứng nhận

CHỦ XE, LÁI XE CẦN BIẾT <i>Vehicle owners, drivers should be aware of the followings:</i> 1. Khi tham gia giao thông phải mang theo Chứng nhận kiểm định. Nộp lại Chứng nhận kiểm định và Tem kiểm định khi có thông báo thu hồi của các Cơ sở đăng kiểm. <i>Vehicle operators must carry the inspection certificate while in traffic. Return the inspection certificate and inspection sticker when receiving a withdrawal notice from the Inspection Centers.</i> 2. Không sử dụng Chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định bị sửa chữa, tẩy xóa nội dung và làm giả. <i>Do not use inspection certificates or inspection stickers that have been altered, erased, or forged.</i> 3. Phải bảo dưỡng, sửa chữa để bảo đảm duy trì tình trạng kỹ thuật của phương tiện; chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật đối với hành vi đưa phương tiện không bảo đảm an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường tham gia giao thông đường bộ. <i>Perform maintenance and repairs to maintain the vehicle's technical condition; legally liable for operating a vehicle that fails to meet technical safety and environmental protection requirements to participate in road traffic.</i> 4. Không cải tạo trái phép; cố ý can thiệp làm sai lệch chỉ số trên đồng hồ báo quãng đường đã chạy; cắt, hàn, tẩy xóa, đục sửa, đóng lại trái phép số khung, số động cơ. <i>Do not conduct unauthorized vehicle modifications; intentionally alter the odometer; or illegally cut, weld, erase, tamper with, or re-stamp the chassis number or engine number.</i> 5. Không tự ý can thiệp, thay đổi phần mềm điều khiển của xe, động cơ của xe đã được đăng ký với cơ quan quản lý nhằm mục đích gian lận kết quả kiểm định; Không thuê, mượn phụ tùng chỉ để thực hiện việc kiểm định. <i>Do not independently interfere with or alter the vehicle's control software or engine registered with regulatory authorities to manipulate inspection results; do not rent or borrow parts solely for inspection purposes.</i> 6. Chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định không còn hiệu lực khi xe bị tai nạn giao thông đến mức không đảm bảo an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường. <i>The inspection certificate and inspection sticker are no longer valid if the vehicle is involved in a traffic accident to the extent that it no longer meets technical safety and environmental protection requirements.</i>	BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM MOT – Vietnam Register No: (số seri) CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG XE CƠ GIỚI PERIODICAL INSPECTION CERTIFICATE OF MOTOR VEHICLE FOR COMPLIANCE WITH TECHNICAL SAFETY AND ENVIRONMENTAL PROTECTION REQUIREMENTS Biển đăng ký: Số quản lý phương tiện: (Registration plate) (Vehicle inspection No) Nhóm phương tiện (Vehicle's group): Loại phương tiện (Vehicle's type): Sử dụng năng lượng sạch, năng lượng xanh, thân thiện môi trường: ☐ (Clean, green energy vehicle): Cho phép tự động hóa (Allows automation): ☐ Một phần (Partially) ☐ Toàn phần (Fully) Nhãn hiệu, tên thương mại: / (Trademark, Commercial name) Mã kiểu loại (Model code): Số động cơ (Engine No): / Số khung (Chassis No): Năm / Nước sản xuất: / Niên hạn sử dụng: (Production year / Country) (Lifetime Limit to) Có kinh doanh vận tải (Commercial use): ☐ Có cải tạo (Modification): ☐
---	--

THÔNG SỐ KỸ THUẬT (SPECIFICATIONS) Công thức bánh xe: Vết bánh xe: / (mm) (Wheel formula) (Wheel tread) Kích thước bao (Overall dimensions): (mm) Kích thước lòng/bao thùng xe/bao ngoài xi téc: (mm) (Inside/outside dimensions of cargo deck/outside dimensions of tank) Khoảng cách trục (Wheel base): (mm) Khối lượng bản thân (Kerb mass): (kg) Khối lượng hàng CC theo TK/CP LN: / (kg) (Design/Authorized cargo pay mass) Khối lượng kéo theo TK/CP LN: / (kg) (Design/Authorized towed mass) Khối lượng toàn bộ theo TK/CP LN: / (kg) (Design/Authorized total mass) Số người cho phép chở: chỗ ngồi: chỗ đứng: chỗ nằm: (Không bao gồm người lái) (Permissible No of pers carried, not include driver: seating, standing, lying) Loại động cơ đốt trong (Engine type): Ký hiệu: Thể tích làm việc: (cm³) (Engine model) (Engine displacement) - Công suất lớn nhất/tốc độ quay (Max output/rpm): (kW/rpm) - Loại nhiên liệu (Fuel): Loại động cơ điện (Motor type): - Số lượng, ký hiệu động cơ điện: (Number of motors, motor model) - Điện áp/ Tổng công suất của động cơ điện: (V/kW) (Voltage/ Total rated power of motor) - Loại ắc quy/điện áp-dung lượng: (V-Ah) (Type of battery/voltage-capacity) Ng: (số seri)	Số lượng lốp/cỡ lốp/trục (The number of tires / tire size / axle): ngày tháng năm (Issued on: Day/Month/Year) CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM (INSPECTION CENTER) Số phiếu kiểm định (Inspection report No) Có hiệu lực đến hết ngày (Valid until): Vị trí in ảnh tổng thể xe cơ giới khi vào kiểm định (kích thước 80 mm x 60 mm); đối với xe miễn kiểm định lần đầu ghi rõ: "Xe thuộc đối tượng miễn kiểm định lần đầu" (Image Position of Vehicle) Có lắp thiết bị giám sát hành trình (Equipped with tachograph) ☐ Có lắp thiết bị ghi nhận hình ảnh người lái xe (Equipped with camera) ☐ PT không được cấp Tem kiểm định (Vehicle not issued with inspection stamp) ☐ Ghi chú (Notes): (1) xxxxxxxx (2)
--	---

Chú thích:

- (1): Ghi chú các nội dung có trên giấy chứng nhận hoặc dữ liệu cấp cho xe cơ giới trong sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu; ghi chú khác (nếu có);
- (2): Dãy số được in tự động từ phần mềm quản lý kiểm định.

2. Tem kiểm định**Chú thích:**

- (1): In thời hạn tháng/năm hết hiệu lực;
- (2): In biển số xe được cấp tem kiểm định;
- (3): In thời hạn ngày/tháng/năm hết hiệu lực.

Mẫu số 03. Giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định màu tím hồng dùng cho xe máy chuyên dùng

1. Mẫu Giấy chứng nhận

CHỦ XE, LÁI XE CẦN BIẾT <i>Vehicle owners, drivers should be aware of the followings:</i> 1. Khi tham gia giao thông phải mang theo Chứng nhận kiểm định. Nộp lại Chứng nhận kiểm định và Tem kiểm định khi có thông báo thu hồi của các Cơ sở đăng kiểm. <i>Vehicle operators must carry the inspection certificate while in traffic. Return the inspection certificate and inspection sticker when receiving a withdrawal notice from the Inspection Centers.</i> 2. Không sử dụng Chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định bị sửa chữa, tẩy xóa nội dung và làm giả. <i>Do not use inspection certificates or inspection stickers that have been altered, erased, or forged.</i> 3. Phải bảo dưỡng, sửa chữa để bảo đảm duy trì tình trạng kỹ thuật của phương tiện, chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật đối với hành vi đưa phương tiện không bảo đảm an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường tham gia giao thông đường bộ. <i>Perform maintenance and repairs to maintain the vehicle's technical condition; legally liable for operating a vehicle that fails to meet technical safety and environmental protection requirements to participate in road traffic.</i> 4. Không cài tạo trái phép; cố ý can thiệp làm sai lệch chỉ số trên đồng hồ báo quãng đường đã chạy, đồng hồ báo thời gian đã làm việc; cắt, hàn, tẩy xóa, đục sửa, đóng lại trái phép số khung, số động cơ. <i>Do not conduct unauthorized vehicle modifications; intentionally alter the odometer, hour meter gauge; or illegally cut, weld, erase, tamper with, or re-stamp the chassis number or engine number.</i> 5. Không tự ý can thiệp, thay đổi phần mềm điều khiển của xe, động cơ của xe đã được đăng ký với cơ quan quản lý nhằm mục đích gian lận kết quả kiểm định; Không thuê, mượn phụ tùng chỉ để thực hiện việc kiểm định. <i>Do not independently interfere with or alter the vehicle's control software or engine registered with regulatory authorities to manipulate inspection results; do not rent or borrow parts solely for inspection purposes.</i> 6. Chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định không còn hiệu lực khi xe bị tai nạn giao thông đến mức không đảm bảo an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường. <i>The inspection certificate and inspection sticker are no longer valid if the vehicle is involved in a traffic accident to the extent that it no longer meets technical safety and environmental protection requirements.</i>	BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM MOT – Vietnam Register No: AA CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG XE MÁY CHUYÊN DỤNG PERIODICAL INSPECTION CERTIFICATE OF TRANSPORT CONSTRUCTION MACHINERY - TCM FOR COMPLIANCE WITH TECHNICAL SAFETY AND ENVIRONMENTAL PROTECTION REQUIREMENTS Biên đăng ký: Số quản lý phương tiện: (Registration plate) (Vehicle inspection No) Loại XMCD (TCM's type): Nhãn hiệu, tên thương mại: / (Trademark, Commercial name) Mã kiểu loại (Model code): Số động cơ (Engine No): / Số khung (Chassis No): Năm / Nước sản xuất: / (Production year / Country) Có cải tạo (Modification): ☐
1. THÔNG SỐ KỸ THUẬT CƠ BẢN (Major technical specifications) Khối lượng bản thân (Kerb mass): (kg) Khối lượng toàn bộ (Gross mass): (kg) Kích thước bao (Overall Dimensions): (mm) Loại động cơ đốt trong (Engine type): - Ký hiệu: Thể tích làm việc: (cm³) (Engine model) (Engine displacement) - Công suất lớn nhất/tốc độ quay (Max. output/rpm): (kW/rpm) - Loại nhiên liệu (Fuel): - Loại động cơ điện (Motor type): - Số lượng, ký hiệu động cơ điện: (Number of motors, motor model) - Điện áp/ Tổng công suất của động cơ điện: (V/kW) (Voltage/ Total rated power of motor) - Loại ắc quy/điện áp-dung lượng: (V-Ah) (Type of battery/voltage-capacity) Vận tốc di chuyển lớn nhất (Max. travelling speed): (km/h) 2. THÔNG SỐ KỸ THUẬT ĐẶC TRƯNG (Special technical specifications)⁽¹⁾ Ng: (số seri)	Ngày / Địa điểm kiểm định: / / (Inspection Date / Site) Số biên bản kiểm định: (Inspection Report No) ngày tháng năm (Issued on: Day/Month/Year) CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM (INSPECTION CENTER) Có hiệu lực đến hết ngày: (Valid until): Vị trí in ảnh tổng thể xe máy chuyên dùng (kích thước 80 mm x 60 mm); đối với xe miễn kiểm định lần đầu ghi rõ: "Xe thuộc đối tượng miễn kiểm định lần đầu" (Image Position of TCM) PT không được cấp Tem kiểm định (Vehicle not issued with inspection stamp) ☐ Ghi chú (Notes):⁽²⁾ xxxxxxx⁽³⁾

Chú thích:

(1): Được ghi nhận theo từng loại xe máy chuyên dùng theo quy định tại Thông tư quy định về trình tự, thủ tục chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng xe cơ giới trong nhập khẩu;

(2): Ghi chú các nội dung có trên giấy chứng nhận hoặc dữ liệu cấp cho xe máy chuyên dùng trong sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu; ghi chú khác (nếu có);

(3): Dãy số được in tự động từ phần mềm quản lý kiểm định.

2. Tem kiểm định**Chú thích:**

(1): In thời hạn tháng/năm hết hiệu lực;

(2): In biển số xe được cấp tem kiểm định;

(3): In thời hạn ngày/tháng/năm hết hiệu lực.

2. Quy trình Cấp lại Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy), xe máy chuyên dùng (QT-06)

1	Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thực hiện thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy), xe máy chuyên dùng.
2	Phạm vi: - Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân (chủ xe) mang giấy tờ xe nộp hồ sơ bằng hình thức trực tiếp tại Trung tâm đăng kiểm hoặc qua hệ thống trực tuyến. - Cán bộ, viên chức Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hà Nội thuộc Sở Giao thông vận tải Hà Nội. - Cán bộ viên chức tại Bộ phận một cửa của Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hà Nội. - Khuyến khích các Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới ngoài công lập áp dụng Quy trình này trong giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân.
3	Nội dung quy trình: Cấp lại được thực hiện trong các trường hợp giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định bị sai thông tin, bị hỏng, bị mất. Chủ xe không phải mang xe đến cơ sở đăng kiểm để kiểm tra, đánh giá lại.
3.1	Cơ sở pháp lý:
	- Thông tư số 47/2024/TT- BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định trình tự, thủ tục kiểm định, miễn kiểm định lần đầu cho xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; trình tự, thủ tục chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo; trình tự, thủ tục kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy; - Thông tư số 11/2024/TT-BGTVT ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về giá dịch vụ lập hồ sơ phương tiện đối với xe cơ giới được miễn kiểm định lần đầu và dịch vụ in lại giấy chứng nhận kiểm định và tem kiểm định đối với xe cơ giới;

	- Quyết định số 1504/QĐ-BGTVT ngày 09/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ trong lĩnh vực đăng kiểm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải; - Quyết định số 60/QĐ-TTPVHCC ngày 23/01/2025 của Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công Thành phố về việc công bố danh mục TTHC mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ lĩnh vực đăng kiểm thuộc chức năng quản lý nhà nước của Sở Giao thông vận tải thành phố Hà Nội.
3.2	Thành phần hồ sơ:
	Bản chính Đơn đề nghị cấp lại giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định theo mẫu.
3.3	Số lượng hồ sơ: 01 bộ
3.4	Thời gian xử lý: - Trường hợp giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định bị sai thông tin, cơ sở đăng kiểm cấp lại giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định trong ngày kể từ khi nhận được hồ sơ đồng thời thu lại giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định bị sai; - Trường hợp tem kiểm định bị hỏng nhưng có đủ thông tin để xác định số sê ri hoặc biển số xe hoặc giấy chứng nhận kiểm định bị mất, bị hỏng, cơ sở đăng kiểm cấp lại giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định trong ngày kể từ khi nhận được hồ sơ; đồng thời thu lại giấy chứng nhận kiểm định (trừ trường hợp giấy chứng nhận kiểm định bị mất); - Trường hợp tem kiểm định bị mất hoặc tem kiểm định và giấy chứng nhận bị mất, cơ sở đăng kiểm lập giấy tiếp nhận thông tin báo mất tem kiểm định, đăng tải thông tin báo mất trên phần mềm quản lý kiểm định. Sau 15 ngày kể từ ngày đăng cảnh báo, nếu tem kiểm định không được tìm thấy, chủ xe mang theo giấy tiếp nhận thông tin báo mất tem kiểm định tới cơ sở đăng kiểm để được cấp lại giấy chứng nhận kiểm định và tem kiểm định trong ngày.
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả
	- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hà Nội: + Trung tâm Đăng kiểm 3301S: Km 15 - Quốc lộ 6 - Phường Yên Nghĩa - quận Hà Đông - Thành phố Hà Nội. + Trung tâm Đăng kiểm 3302S: Phường Quang Trung – Thị xã Sơn Tây - Thành phố Hà Nội

	- Nộp hồ sơ qua hệ thống trực tuyến: Trung tâm thực hiện như trường hợp nhận trực tiếp nhưng trên hệ thống trực tuyến			
3.6	Phí, lệ phí:			
	Giá dịch vụ in lại giấy chứng nhận: 23.000 đồng/01 Giấy chứng nhận kiểm định tem kiểm định xe cơ giới			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
	1. Trường hợp giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định bị sai thông tin.			
	- Trường hợp giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định bị sai thông tin, cơ sở đăng kiểm cấp lại giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định trong ngày kể từ khi nhận được hồ sơ đồng thời thu lại giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định bị sai.	Nhân viên nghiệp vụ kiểm định	Trong ngày làm việc (giờ hành chính)	
B1	+ Mẫu Đơn đề nghị cấp lại giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định. + Thu lệ phí	Nhân viên nghiệp vụ kiểm định	Tối đa 01 giờ sau khi nhận hồ sơ	- Mẫu Đơn đề nghị theo mẫu; - Phiếu hồ sơ phương tiện (phụ lục II-TT47)
B2	Toàn bộ hồ sơ được trình cho Giám đốc/ Phó Giám đốc trung tâm xem xét duyệt.	Giám đốc/Phó giám đốc Trung tâm	Tối đa 0,5 ngày làm việc	Giấy chứng nhận kiểm định và tem kiểm định
B3	Sau khi được Giám đốc/Phó Giám đốc phê duyệt, nhân viên nghiệp vụ vào Sổ theo dõi cấp GCNKĐ, Tem kiểm định, pho tô hồ sơ lưu và hoàn thiện hồ sơ, lưu trữ hồ sơ.	Nhân viên nghiệp vụ kiểm định	Tối đa 02 giờ sau khi nhận hồ sơ	Giấy chứng nhận kiểm định và tem kiểm định

B4	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân và dán tem kiểm định lên phương tiện	Nhân viên nghiệp vụ kiểm định	Tối đa 01 giờ	Giấy chứng nhận kiểm định và tem kiểm định; Sổ theo dõi quản lý Giấy chứng nhận kiểm định và tem kiểm định
B5	Thông kê, theo dõi và lưu hồ sơ	Nhân viên nghiệp vụ kiểm định	Giờ hành chính	Sổ theo dõi cấp phát Giấy chứng nhận và Tem kiểm định.
2. Trường hợp tem kiểm định bị hỏng nhưng có đủ thông tin để xác định số sê ri hoặc biển số xe hoặc giấy chứng nhận kiểm định bị mất, bị hỏng.				
	<i>Trường hợp tem kiểm định bị hỏng nhưng có đủ thông tin để xác định số sê ri hoặc biển số xe hoặc giấy chứng nhận kiểm định bị mất, bị hỏng, cơ sở đăng kiểm cấp lại giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định trong ngày kể từ khi nhận được hồ sơ;</i>	<i>Nhân viên nghiệp vụ kiểm định</i>	<i>Trong ngày làm việc (giờ hành chính)</i>	
B1	+ Mẫu Đơn đề nghị cấp lại giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định. + Thu lệ phí	Nhân viên nghiệp vụ kiểm định	Tối đa 1 giờ sau khi nhận hồ sơ	- Mẫu Đơn đề nghị theo mẫu; - Phiếu hồ sơ phương tiện (<i>phụ lục II-TT47</i>)
B2	Toàn bộ hồ sơ được trình cho Giám đốc/ Phó Giám đốc trung tâm xem xét duyệt.	Giám đốc/Phó giám đốc Trung tâm	Tối đa 0,5 ngày làm việc	Giấy chứng nhận kiểm định và tem kiểm định

B3	Sau khi được Giám đốc/Phó Giám đốc phê duyệt, nhân viên nghiệp vụ vào Sổ theo dõi cấp GCNKĐ, Tem kiểm định, phô tô hồ sơ lưu và hoàn thiện hồ sơ, lưu trữ hồ sơ.	Nhân viên nghiệp vụ kiểm định	Tối đa 02 giờ sau khi nhận hồ sơ	Giấy chứng nhận kiểm định và tem kiểm định
B4	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân và dán tem kiểm định lên phương tiện	Nhân viên nghiệp vụ kiểm định	Tối đa 01 giờ	Giấy chứng nhận kiểm định và tem kiểm định; Sổ theo dõi quản lý nhập, cấp phát phôi GCNKĐ, Tem KĐ
B5	Thống kê, theo dõi và lưu hồ sơ	Nhân viên nghiệp vụ kiểm định	Giờ hành chính	Sổ theo dõi cấp phát Giấy chứng nhận và Tem KĐ.
3. Trường hợp tem kiểm định bị mất hoặc tem kiểm định và giấy chứng nhận bị mất				
	- Trường hợp tem kiểm định bị mất hoặc tem kiểm định và giấy chứng nhận bị mất, Trung tâm đăng kiểm lập giấy tiếp nhận thông tin báo mất tem kiểm định, đăng tải thông tin báo mất trên phần mềm quản lý kiểm định. Sau 15 ngày kể từ ngày đăng cảnh báo, nếu tem kiểm định không được tìm thấy, chủ xe mang theo giấy tiếp nhận thông tin báo mất tem kiểm định tới Trung tâm đăng kiểm để được cấp lại giấy chứng nhận kiểm định và tem kiểm định trong ngày.	Nhân viên nghiệp vụ kiểm định	Sau 15 ngày kể từ ngày đăng cảnh báo.	- Lập giấy tiếp nhận thông tin báo mất tem kiểm định, - Đăng tải thông tin báo mất trên phần mềm quản lý kiểm định. - Giấy tiếp nhận thông tin báo mất

B1	<i>Trường hợp tem kiểm định bị mất hoặc tem kiểm định và giấy chứng nhận bị mất</i>	<i>Nhân viên nghiệp vụ kiểm định</i>	<i>Trong ngày làm việc (giờ hành chính)</i>	
	+ Mẫu Đơn đề nghị cấp lại giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định. + Thu lệ phí	Nhân viên nghiệp vụ kiểm định	Tối đa 01 giờ sau khi nhận hồ sơ	- Mẫu Đơn đề nghị theo mẫu; - Phiếu hồ sơ phương tiện (<i>phụ lục II-TT47</i>)
B2	Toàn bộ hồ sơ được trình cho Giám đốc/ Phó Giám đốc trung tâm xem xét duyệt.	Giám đốc/Phó giám đốc Trung tâm	Tối đa 0,5 Ngày làm việc	Giấy chứng nhận kiểm định và tem kiểm định
B3	Sau khi được Giám đốc/Phó Giám đốc phê duyệt, nhân viên nghiệp vụ vào Sổ theo dõi cấp GCNKĐ, Tem kiểm định, pho tô hồ sơ lưu và hoàn thiện hồ sơ, lưu trữ hồ sơ.	Nhân viên nghiệp vụ kiểm định	Tối đa 02 giờ sau khi nhận hồ sơ	Giấy chứng nhận kiểm định và tem kiểm định
B4	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân và dán tem kiểm định lên phương tiện	Nhân viên nghiệp vụ kiểm định	Tối đa 01 giờ	Giấy chứng nhận kiểm định và tem kiểm định; Sổ theo dõi quản lý Giấy chứng nhận kiểm định và tem kiểm định
B5	Thống kê, theo dõi và lưu hồ sơ	Nhân viên nghiệp vụ kiểm định	Giờ hành chính	Sổ theo dõi cấp phát Giấy chứng nhận và Tem kiểm định.
4	BIỂU MẪU			
	- Mẫu Đơn đề nghị cấp lại giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định; - Mẫu Giấy chứng nhận và Tem kiểm định.			

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH,
TEM KIỂM ĐỊNH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH,
TEM KIỂM ĐỊNH; GIẤY CHỨNG NHẬN CẢI TẠO**☐ Giấy chứng nhận (GCN) kiểm định ☐ Tem kiểm định ☐ GCN cải tạo

Kính gửi:

Chủ xe:

Địa chỉ:

Người đại diện chủ xe/Tổ chức:

Số điện thoại:

Thông tin của xe:

- Biển số đăng ký hoặc số khung:

- Số giấy chứng nhận cải tạo đã cấp:

- Ký hiệu thiết kế:

- Loại phương tiện:

Lý do đề nghị cấp lại:

Kiểm định: Mất (Tem ☐ GCN☐) Hỏng (Tem ☐ GCN ☐) Sai thông tin ☐GCN cải tạo: Mất ☐ Hỏng ☐ Sai thông tin ☐ Hết hiệu lực ☐

Tôi (Chủ xe/Tên tổ chức) hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung đơn đề nghị này.

Nơi nhận

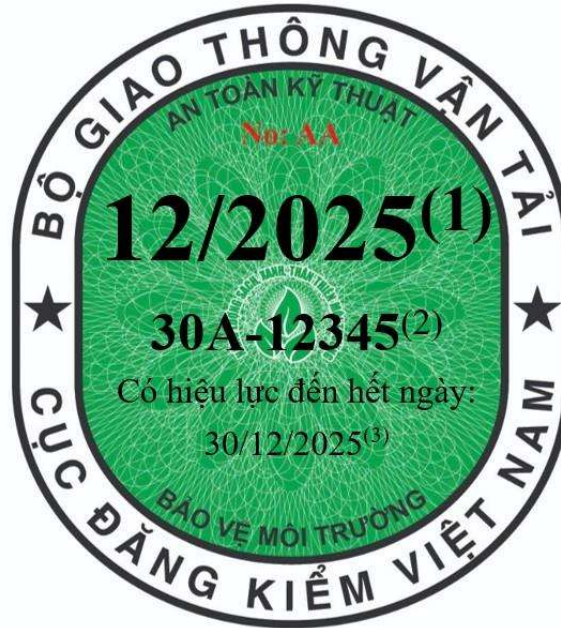
Như kính gửi;

.....;

Lưu:

Chủ xe/đại diện tổ chức*(Ký, ghi rõ họ tên)*

2. Mẫu Tem kiểm định



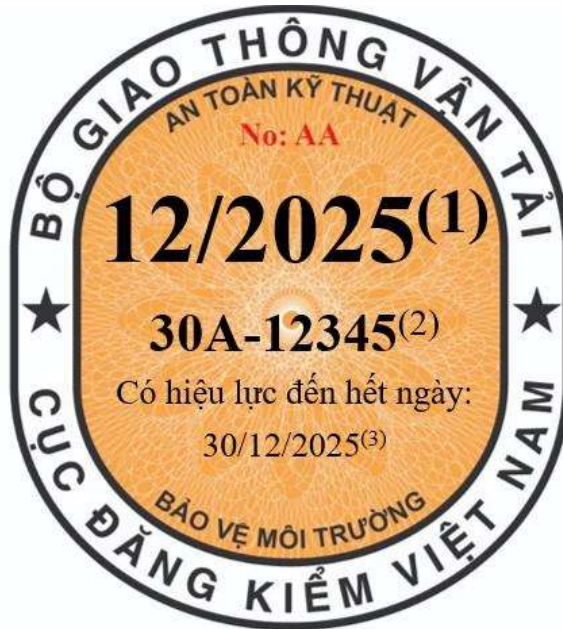
Chú thích:

- (1): In thời hạn tháng/năm hết hiệu lực;
- (2): In biển số xe được cấp tem kiểm định;
- (3): In thời hạn ngày/tháng/năm hết hiệu lực.

1. Mẫu Giấy chứng nhận

(2): Dãy số được in tự động từ phần mềm quản lý kiểm định.

2. Tem kiểm định



Chú thích:

- (1): In thời hạn tháng/năm hết hiệu lực;
- (2): In biển số xe được cấp tem kiểm định;
- (3): In thời hạn ngày/tháng/năm hết hiệu lực.

Mẫu số 03. Giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định màu tím hồng dùng cho xe máy chuyên dùng

1. Mẫu Giấy chứng nhận

CHỦ XE, LÁI XE CẦN BIẾT <i>Vehicle owners, drivers should be aware of the followings:</i> 1. Khi tham gia giao thông phải mang theo Chứng nhận kiểm định. Nộp lại Chứng nhận kiểm định và Tem kiểm định khi có thông báo thu hồi của các Cơ sở đăng kiểm. <i>Vehicle operators must carry the inspection certificate while in traffic. Return the inspection certificate and inspection sticker when receiving a withdrawal notice from the Inspection Centers.</i> 2. Không sử dụng Chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định bị sửa chữa, tẩy xóa nội dung và làm giả. <i>Do not use inspection certificates or inspection stickers that have been altered, erased, or forged.</i> 3. Phải bảo dưỡng, sửa chữa để bảo đảm duy trì tình trạng kỹ thuật của phương tiện; chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật đối với hành vi đưa phương tiện không bảo đảm an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường tham gia giao thông đường bộ. <i>Perform maintenance and repairs to maintain the vehicle's technical condition; legally liable for operating a vehicle that fails to meet technical safety and environmental protection requirements to participate in road traffic.</i> 4. Không cải tạo trái phép; cố ý can thiệp làm sai lệch chỉ số trên đồng hồ báo quãng đường đã chạy, đồng hồ báo thời gian đã làm việc; cắt, hàn, tẩy xóa, đục sửa, đóng lại trái phép số khung, số động cơ. <i>Do not conduct unauthorized vehicle modifications; intentionally alter the odometer, hour meter gauge; or illegally cut, weld, erase, tamper with, or re-stamp the chassis number or engine number.</i> 5. Không tự ý can thiệp, thay đổi phần mềm điều khiển của xe, đồng hồ của xe đã được đăng ký với cơ quan quản lý nhằm mục đích gian lận kết quả kiểm định, không thuê, mượn phụ tùng chỉ để thực hiện việc kiểm định. <i>Do not independently interfere with or alter the vehicle's control software or engine registered with regulatory authorities to manipulate inspection results; do not rent or borrow parts solely for inspection purposes.</i> 6. Chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định không còn hiệu lực khi xe bị tai nạn giao thông đến mức không đảm bảo an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường. <i>The inspection certificate and inspection sticker are no longer valid if the vehicle is involved in a traffic accident to the extent that it no longer meets technical safety and environmental protection requirements.</i>	BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM MOT – Vietnam Register No: AA CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG XE MÁY CHUYÊN DỤNG PERIODICAL INSPECTION CERTIFICATE OF TRANSPORT CONSTRUCTION MACHINERY - TCM FOR COMPLIANCE WITH TECHNICAL SAFETY AND ENVIRONMENTAL PROTECTION REQUIREMENTS Biên đăng ký: _____ Số quản lý phương tiện: _____ (Registration plate) (Vehicle inspection No) Loại XMCD (TCM's type): _____ Nhãn hiệu, tên thương mại: _____ (Trademark, Commercial name) Mã kiểu loại (Model code): _____ Số động cơ (Engine No): _____ Số khung (Chassis No): _____ Năm / Nước sản xuất: _____ (Production year / Country) Có cải tạo (Modification): ☐
1. THÔNG SỐ KỸ THUẬT CƠ BẢN (Major technical specifications) Khối lượng bản thân (Kerb mass): _____ (kg) Khối lượng toàn bộ (Gross mass): _____ (kg) Kích thước bao (Overall Dimensions): _____ (mm) Loại động cơ đốt trong (Engine type): _____ - Ký hiệu: _____ Thể tích làm việc: _____ (cm³) (Engine model) (Engine displacement) - Công suất lớn nhất/tốc độ quay (Max output/rpm): _____ (kW/rpm) - Loại nhiên liệu (Fuel): _____ - Loại động cơ điện (Motor type): _____ - Số lượng, ký hiệu động cơ điện: _____ (Number of motors, motor model) - Điện áp/ Tổng công suất của động cơ điện: _____ (V/kW) (Voltage/ Total rated power of motor) - Loại ắc quy/điện áp-đung lượng: _____ (V-Ah) (Type of battery/voltage-capacity) Vận tốc di chuyển lớn nhất (Max. travelling speed): _____ (km/h) 2. THÔNG SỐ KỸ THUẬT ĐẶC TRƯNG (Special technical specifications)⁽¹⁾ Ng: (số seri)	Ngày / Địa điểm kiểm định: _____ (Inspection Date / Site) Số biên bản kiểm định: _____ (Inspection Report No) _____ ngày _____ tháng _____ năm _____ (Issued on: Day/Month/Year) CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM (INSPECTION CENTER) Có hiệu lực đến hết ngày: _____ (Valid until): Vị trí in ảnh tổng thể xe máy chuyên dùng (kích thước 50 mm x 60 mm); đối với xe miễn kiểm định lần đầu ghi rõ: "Xe thuộc đối tượng miễn kiểm định lần đầu" (Image Position of TCM) PT không được cấp Tem kiểm định (Vehicle not issued with inspection stamp) ☐ Ghi chú (Notes): ⁽²⁾ xxxxxxxxxx ⁽³⁾

Chú thích:

(1): Được ghi nhận theo từng loại xe máy chuyên dùng theo quy định tại Thông tư quy định về trình tự, thủ tục chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng xe cơ giới trong nhập khẩu;

(2): Ghi chú các nội dung có trên giấy chứng nhận hoặc dữ liệu cấp cho xe máy chuyên dùng trong sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu; ghi chú khác (nếu có);

(3): Dãy số được in tự động từ phần mềm quản lý kiểm định.

2. Tem kiểm định



Chú thích:

- (1): In thời hạn tháng/năm hết hiệu lực;
- (2): In biển số xe được cấp tem kiểm định;
- (3): In thời hạn ngày/tháng/năm hết hiệu lực.

3. Quy trình Cấp lại giấy chứng nhận cải tạo (QT-07)

1	Mục đích: <i>Quy định trình tự và cách thức thực hiện thủ tục Cấp lại giấy chứng nhận cải tạo.</i>
2	Phạm vi: - Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân (chủ xe) mang giấy tờ xe nộp hồ sơ bằng hình thức trực tiếp tại Trung tâm đăng kiểm. - Cán bộ, viên chức Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hà Nội thuộc Sở Giao thông vận tải Hà Nội. - Cán bộ viên chức tại Bộ phận một cửa của Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hà Nội. - Khuyến khích các Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới ngoài công lập áp dụng Quy trình này trong giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân.
3	Nội dung quy trình: - Giấy chứng nhận cải tạo được cấp lại trong các trường hợp: bị mất, hỏng, sai thông tin. Chủ xe không phải mang xe đến cơ sở đăng kiểm để kiểm tra, đánh giá lại. - Giấy chứng nhận xe cơ giới cải tạo có thời hạn theo các quy định của pháp luật tại thời điểm cấp giấy chứng nhận cải tạo, chủ xe có nhu cầu cấp lại để thực hiện việc cấp đổi chứng nhận đăng ký. Chủ xe phải mang xe đến cơ sở đăng kiểm để kiểm tra đối chiếu với giấy chứng nhận cải tạo.
3.1	Cơ sở pháp lý:
	- Thông tư số 47/2024/TT- BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định trình tự, thủ tục kiểm định, miễn kiểm định lần đầu cho xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; trình tự, thủ tục chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo; trình tự, thủ tục kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy; - Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn;

	- Thông tư số 36/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn; - Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới; - Thông tư số 55/2022/TT-BTC ngày 24 tháng 8 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới; - Quyết định số 1504/QĐ-BGTVT ngày 09/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ trong lĩnh vực đăng kiểm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải; - Quyết định số 60/QĐ-TTPVHCC ngày 23/01/2025 của Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công Thành phố về việc công bố danh mục TTHC mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ lĩnh vực đăng kiểm thuộc chức năng quản lý nhà nước của Sở Giao thông vận tải thành phố Hà Nội.		
3.2	Thành phần hồ sơ		
	<i>Có 02 trường hợp gồm:</i>		
	1. Cấp giấy chứng nhận cải tạo bị mất, hỏng, sai thông tin		
	Thành phần hồ sơ :	Bản chính	Bản sao
	+ Đơn đề nghị theo mẫu quy định;	x	
	+ Giấy chứng nhận cải tạo bị hỏng hoặc bị sai thông tin.	x	

	+ Giấy tờ về đăng ký xe (gồm một trong các giấy tờ sau: bản chính chứng nhận đăng ký xe; bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính chứng nhận đăng ký xe; bản chính giấy hẹn cấp chứng nhận đăng ký xe) hoặc bản chính chứng nhận thu hồi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe.	x	x
	2. Cấp giấy chứng nhận xe cơ giới cải tạo có thời hạn theo các quy định của pháp luật.		
	+ Đơn đề nghị theo mẫu quy định;	x	
	+ Giấy chứng nhận xe cơ giới cải tạo được cơ quan có thẩm quyền cấp.	x	
	Giấy tờ phải xuất trình: giấy tờ về đăng ký xe (gồm một trong các giấy tờ sau: bản chính chứng nhận đăng ký xe; bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính chứng nhận đăng ký xe; bản chính giấy hẹn cấp chứng nhận đăng ký xe) hoặc bản chính chứng nhận thu hồi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe.	x	x
3.3	Số lượng hồ sơ: 01 bộ		
3.4	THỜI GIAN XỬ LÝ: - Trường hợp Giấy chứng nhận cải tạo bị mất, hỏng, sai thông tin: trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ lưu trữ tại cơ sở đăng kiểm; trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ lưu trữ tại cơ sở đăng kiểm khác. - Trường hợp giấy chứng nhận xe cơ giới cải tạo có thời hạn theo các quy định của pháp luật: ngay trong ngày nhận đủ hồ sơ và kết quả kiểm tra, đánh giá xe thực tế đạt yêu cầu.		
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả		
	- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hà Nội: + Trung tâm Đăng kiểm 3301S: Km 15 Quốc lộ 6 – phường Yên Nghĩa – quận Hà Đông – Thành phố Hà Nội.		

	+ Trung tâm Đăng kiểm 3302S: Phường Quang Trung – Thị xã Sơn Tây – Thành phố Hà Nội.			
3.6	Phí, lệ phí:			
	- Lệ phí cấp giấy chứng nhận: 40.000 đồng/01 Giấy chứng nhận, riêng đối với ô tô dưới 10 chỗ ngồi (không bao gồm xe cứu thương): 90.000 đồng/01 Giấy chứng nhận. - Giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới theo Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11/12/2016 và Thông tư số 55/2022/TT-BTC ngày 24/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
	<i>1. Cấp giấy chứng nhận cải tạo bị mất, hỏng, sai thông tin</i>			
B1	a, Trường hợp Giấy chứng nhận cải tạo bị mất, hỏng, sai thông tin: hồ sơ lưu trữ tại Trung tâm đăng kiểm.	Nhân viên nghiệp vụ kiểm định	Trong ngày làm việc (giờ hành chính)	
	+Phiếu hồ sơ phương tiện +Thu phí nghiệm thu cải tạo	Nhân viên nghiệp vụ kiểm định	Tối đa 1 giờ sau khi nhận hồ sơ	- Mẫu Đơn đề nghị theo mẫu; - Phiếu hồ sơ phương tiện (Phụ lục II-TT47);
B2	Bàn giao hồ sơ: + Hồ sơ bản cứng	- Nhân viên nghiệp vụ kiểm định - Đăng kiểm viên	Tối đa 0,5 giờ	

B3	Kiểm tra hồ sơ - Kiểm tra sự phù hợp về trách nhiệm thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo. - Kiểm tra nội dung cải tạo xe cơ giới và đối chiếu với các quy định cải tạo xe cơ giới theo quy định. - Kiểm tra sự đầy đủ và tính hợp lệ của hồ sơ nghiệm thu xe cơ giới cải tạo theo quy định - Kiểm tra và đối chiếu thông số kỹ thuật xe cơ giới cải tạo với cơ sở dữ liệu của Chương trình Quản lý kiểm định. - Kiểm tra các giấy tờ theo yêu cầu của Cơ quan thẩm định thiết kế và các giấy tờ khác như: Giấy chứng nhận đối với các thiết bị đặc biệt, thiết bị chuyên dùng theo quy định; Giấy tờ nguồn gốc của động cơ; xuất xứ của vật tư, phụ tùng, vật liệu sử dụng trong cải tạo.	- Đăng kiểm viên	Tối đa 0,5 ngày làm việc sau khi nhận hồ sơ	
B4	Toàn bộ hồ sơ được trình cho Lãnh đạo trung tâm xem xét phê duyệt.	Giám đốc/ Phó giám đốc Trung tâm	Tối đa 1,5 giờ sau khi kiểm tra	
B5	Sau khi được Lãnh đạo phê duyệt, nhân viên nghiệp vụ vào Sổ theo dõi cấp phát Giấy chứng nhận cải tạo, phôi hồ sơ lưu và hoàn thiện hồ sơ, lưu trữ hồ sơ.	Nhân viên nghiệp vụ kiểm định	Tối đa 0,5 giờ	

B6	Trả Giấy chứng nhận cải tạo cho tổ chức, cá nhân	Nhân viên nghiệp vụ kiểm định	Tối đa 0,5 giờ	Giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định; cấp phát phôi GCNKĐ, Tem KĐ
B7	Thống kê, theo dõi và lưu hồ sơ	Nhân viên nghiệp vụ kiểm định	Giờ hành chính	Sổ theo dõi cấp phát Giấy chứng nhận và Tem kiểm định.
	b) Trường hợp Giấy chứng nhận cải tạo bị mất, hỏng, sai thông tin: 03 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ lưu trữ tại Trung tâm đăng kiểm khác.	Nhân viên nghiệp vụ kiểm định	Trong thời hạn 03 ngày làm việc	
B1	+ Phiếu hồ sơ phương tiện + Thu phí nghiệm thu cải tạo	Nhân viên nghiệp vụ kiểm định	Tối đa 1 giờ sau khi nhận hồ sơ	- Mẫu Đơn đề nghị theo mẫu; - Phiếu hồ sơ phương tiện (Phụ lục II-TT47);
B2	Bàn giao hồ sơ: + Hồ sơ bản cứng	- Nhân viên nghiệp vụ kiểm định - Đăng kiểm viên	Tối đa 01 giờ	
B3	Kiểm tra hồ sơ - Kiểm tra sự phù hợp về trách nhiệm thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo.	- Đăng kiểm viên	Tối đa 02 ngày làm việc sau khi nhận hồ sơ	

	- Kiểm tra nội dung cải tạo xe cơ giới và đối chiếu với các quy định cải tạo xe cơ giới theo quy định. - Kiểm tra sự đầy đủ và tính hợp lệ của hồ sơ nghiệm thu xe cơ giới cải tạo theo quy định - Kiểm tra và đối chiếu thông số kỹ thuật xe cơ giới cải tạo với cơ sở dữ liệu của Chương trình Quản lý kiểm định. - Kiểm tra các giấy tờ theo yêu cầu của Cơ quan thẩm định thiết kế và các giấy tờ khác như: Giấy chứng nhận đối với các thiết bị đặc biệt, thiết bị chuyên dùng theo quy định; Giấy tờ nguồn gốc của động cơ; xuất xứ của vật tư, phụ tùng, vật liệu sử dụng trong cải tạo.			
B4	Toàn bộ hồ sơ được trình cho Lãnh đạo trung tâm xem xét phê duyệt.	Giám đốc/Phó giám đốc Trung tâm	Tối đa 0,5 ngày làm việc sau khi kiểm tra	
B5	Sau khi được Lãnh đạo phê duyệt, nhân viên nghiệp vụ vào Sổ theo dõi cấp phát Giấy chứng nhận cải tạo, phô tô hồ sơ lưu và hoàn thiện hồ sơ, lưu trữ hồ sơ.	Nhân viên nghiệp vụ kiểm định	Tối đa 01 giờ	
B6	Trả Giấy chứng nhận cải tạo cho tổ chức, cá nhân	Nhân viên nghiệp vụ kiểm định	Tối đa 01 giờ	Giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định; cấp phát phôi GCNKĐ, Tem KĐ

B7	Thống kê, theo dõi và lưu hồ sơ	Nhân viên nghiệp vụ kiểm định	Giờ hành chính	Sổ theo dõi cấp phát Giấy chứng nhận và Tem kiểm định.
2. Trường hợp giấy chứng nhận xe cơ giới cải tạo có thời hạn theo các quy định của pháp luật.				
	Trường hợp giấy chứng nhận xe cơ giới cải tạo có thời hạn theo các quy định của pháp luật.	Nhân viên nghiệp vụ kiểm định	Trong ngày làm việc (giờ hành chính)	
B1	+ Phiếu hồ sơ phương tiện + Thu phí nghiệm thu cải tạo	Nhân viên nghiệp vụ kiểm định	Tối đa 1 giờ sau khi nhận hồ sơ	- Mẫu Đơn đề nghị theo mẫu; - Phiếu hồ sơ phương tiện (<i>Phụ lục II-TT47</i>);
B2	Bàn giao hồ sơ: + Hồ sơ bản cứng	- Nhân viên nghiệp vụ kiểm định - Đăng kiểm viên	Tối đa 0,5 giờ	
B3	Kiểm tra hồ sơ - Kiểm tra sự phù hợp về trách nhiệm thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo. - Kiểm tra nội dung cải tạo xe cơ giới và đối chiếu với các quy định cải tạo xe cơ giới theo quy định. - Kiểm tra sự đầy đủ và tính hợp lệ của hồ sơ nghiệm thu xe cơ giới cải tạo theo quy định - Kiểm tra và đối chiếu thông số kỹ thuật xe cơ giới cải tạo với cơ sở dữ liệu của Chương trình Quản lý kiểm định.	- Đăng kiểm viên	Tối đa 0,5 ngày làm việc sau khi nhận hồ sơ	

	- Kiểm tra các giấy tờ theo yêu cầu của Cơ quan thẩm định thiết kế và các giấy tờ khác như: Giấy chứng nhận đối với các thiết bị đặc biệt, thiết bị chuyên dùng theo quy định; Giấy tờ nguồn gốc của động cơ; xuất xứ của vật tư, phụ tùng, vật liệu sử dụng trong cải tạo.			
B4	Toàn bộ hồ sơ được trình cho Lãnh đạo trung tâm xem xét phê duyệt.	Giám đốc/Phó giám đốc Trung tâm	Tối đa 1,5 giờ sau khi kiểm tra	
B5	Sau khi được Lãnh đạo phê duyệt, nhân viên nghiệp vụ vào Sổ theo dõi cấp phát Giấy chứng nhận cải tạo, phô tô hồ sơ lưu và hoàn thiện hồ sơ, lưu trữ hồ sơ.	Nhân viên nghiệp vụ kiểm định	Tối đa 0,5 giờ	
B6	Trả Giấy chứng nhận cải tạo cho tổ chức, cá nhân	Nhân viên nghiệp vụ kiểm định	Tối đa 0,5 giờ	Giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định; cấp phát phôi GCNKĐ, Tem KĐ
B7	Thống kê, theo dõi và lưu hồ sơ	Nhân viên nghiệp vụ kiểm định	Giờ hành chính	Sổ theo dõi cấp phát Giấy chứng nhận và Tem kiểm định.
4	BIỂU MẪU			
	- Mẫu Đơn đề nghị theo mẫu; - Mẫu Giấy chứng nhận cải tạo.			

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH,
TEM KIỂM ĐỊNH; GIẤY CHỨNG NHẬN CẢI TẠO****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH, TEM KIỂM
ĐỊNH; GIẤY CHỨNG NHẬN CẢI TẠO**☐ Giấy chứng nhận (GCN) kiểm định ☐ Tem kiểm định ☐ GCN cải tạo

Kính gửi:

Chủ xe:

Địa chỉ:

Người đại diện chủ xe/Tổ chức:

Số điện thoại:

Thông tin của xe:

- Biển số đăng ký hoặc số khung:

- Số giấy chứng nhận cải tạo đã cấp:

- Ký hiệu thiết kế:

- Loại phương tiện: Lý do đề
nghị cấp lại:Kiểm định: Mất (Tem ☐ GCN ☐) Hỏng (Tem ☐ GCN ☐) Sai thông tin ☐GCN cải tạo: Mất ☐ Hỏng ☐ Sai thông tin ☐ Hết hiệu lực ☐Tôi (Chủ xe/Tên tổ chức) hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp
pháp, chính xác, trung thực của nội dung đơn đề nghị này.**Nơi nhận**

Như kính gửi;

.....;

Lưu:

Chủ xe/đại diện tổ chức*(Ký, ghi rõ họ tên)*

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN CẢI TẠO**Mẫu số 01. Mẫu giấy chứng nhận cải tạo xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy)****CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM (MÃ SỐ) CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:(1).....

**GIẤY CHỨNG NHẬN AN TOÀN KỸ THUẬT
VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG XE CƠ GIỚI CẢI TẠO**

Biển số đăng ký:.....

Nhãn hiệu/số loại:.....

Số khung:.....

Số động cơ:.....

Nước/năm sản xuất:.....

Chủ xe:.....

Địa chỉ chủ xe:.....

Cơ sở thiết kế:.....

Ký hiệu thiết kế:.....

Cơ sở cải tạo:.....

Biên bản kiểm tra, đánh giá xuất xưởng xe cải tạo số:ngày .../.../.....

Biên bản kiểm tra, đánh giá ATKTK & BVMT xe cải tạo số: ngày .../.../.....

NỘI DUNG CẢI TẠO.....
.....
.....**CÁC THÔNG SỐ KỸ THUẬT (2)**

STT	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Xe cơ giới trước cải tạo	Xe cơ giới sau cải tạo
1	Loại phương tiện	---		
2	Xe sử dụng năng lượng sạch, năng lượng xanh, thân thiện môi trường	---	☐ Có	☐ Có

STT	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Xe cơ giới trước cải tạo	Xe cơ giới sau cải tạo
3	Cho phép tự động hóa điều khiển	---	☐ Một phần ☐ Toàn phần	☐ Một phần ☐ Toàn phần
4	Kích thước bao ngoài (dài x rộng x cao)	mm		
5	Khoảng cách trục	mm		
6	Vết bánh xe (trước/sau)	mm		
7	Khối lượng bản thân	kg		
8	Số người cho phép chở (ngồi/đứng/nằm): (không bao gồm người lái)	người		
9	Khối lượng hàng chuyên chở cho phép tham gia giao thông	kg		
10	Khối lượng toàn bộ cho phép tham gia giao thông	kg		
11	Động cơ			
...	<i>Các thông số kỹ thuật khác của xe cơ giới nếu có thay đổi do cải tạo</i>			

Xe cơ giới đã được chứng nhận cải tạo đảm bảo an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

....., ngàytháng năm

Đại diện cơ sở đăng kiểm
(ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi :

(1) Ghi số giấy chứng nhận xe cơ giới cải tạo, cách ghi như sau: mã số cơ sở đăng kiểm- số thứ tự/năm/CNXCG. Ví dụ: 2905V-0026/2025/CNXCG.

(2) Ghi tóm tắt nội dung cải tạo chính của xe cơ giới và điền vào bảng.

Mẫu số 02. Mẫu giấy chứng nhận cải tạo xe máy chuyên dùng**CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM (MÃ SỐ) CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.....(1).....

**GIẤY CHỨNG NHẬN AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
XE MÁY CHUYÊN DÙNG CẢI TẠO**

Biển số đăng ký:.....

Nhãn hiệu/số loại:.....

Số khung:.....

Số động cơ:.....

Nước/năm sản xuất:.....

Chủ xe:.....

Địa chỉ chủ xe:.....

Cơ sở thiết kế:.....

Ký hiệu thiết kế:.....

Cơ sở thi công cải tạo:.....

Biên bản kiểm tra, đánh giá xuất xưởng xe cải tạo số:..... ngày .../.../.....

Biên bản kiểm tra, đánh giá ATK & BVMT xe cải tạo số:..... ngày .../.../.....

NỘI DUNG CẢI TẠO

.....

.....

.....

THÔNG SỐ KỸ THUẬT (2)

STT		Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Xe máy chuyên dùng trước cải tạo	Xe máy chuyên dùng sau cải tạo
1		Loại phương tiện			
2		Kích thước bao (dài x rộng x cao)	mm		
3		Ký hiệu/loại động cơ			

STT		Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Xe máy chuyên dùng trước cải tạo	Xe máy chuyên dùng sau cải tạo
4		Công suất lớn nhất/ tốc độ quay	kW/rpm		
5		Khối lượng bản thân	kg		

THÔNG SỐ KỸ THUẬT ĐẶC TRƯNG

STT	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Xe máy chuyên dùng trước cải tạo	Xe máy chuyên dùng sau cải tạo
1				

Xe máy chuyên dùng đã được chứng nhận cải tạo đảm bảo an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

....., ngàytháng năm

Đại diện cơ sở đăng kiểm
(ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi :

(1) Ghi số giấy chứng nhận xe máy chuyên dùng cải tạo, cách ghi như sau: mã số cơ sở đăng kiểm- số thứ tự/năm/CNXMD. Ví dụ: 2905V-0026/2025/CNXMD.

(2) Ghi tóm tắt nội dung cải tạo chính của xe máy chuyên dùng và điền vào bảng.

Mẫu số 03. Mẫu giấy chứng nhận cải tạo xe mô tô, xe gắn máy

CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM (MÃ SỐ) CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....(1).....

GIẤY CHỨNG NHẬN AN TOÀN KỸ THUẬT
VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG XE MÔ TÔ, XE GẮN MÁY CẢI TẠO

Biển số đăng ký:.....

Nhãn hiệu/số loại:.....

Số khung:.....

Số động cơ:.....

Nước/năm sản xuất:.....

Chủ xe:.....

Địa chỉ chủ xe:.....

Cơ sở thiết kế:.....

Ký hiệu thiết kế:.....

Cơ sở thi công cải tạo:.....

Biên bản kiểm tra, đánh giá xuất xưởng xe cải tạo số:....., ngày.../.../...

Biên bản kiểm tra, đánh giá ATKTKT & BVMT xe cải tạo số:....., ngày .../.../...

NỘI DUNG CẢI TẠO

.....

THÔNG SỐ KỸ THUẬT (2)

STT	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Xe mô tô, xe gắn máy trước cải tạo	Xe mô tô, xe gắn máy sau cải tạo
1	Loại phương tiện			
2	Kích thước bao (dài x rộng x cao)	mm		
3	Chiều dài cơ sở	mm		
4	Khối lượng bản thân	kg		

STT	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Xe mô tô, xe gắn máy trước cải tạo	Xe mô tô, xe gắn máy sau cải tạo
5	Số người cho phép chở	người		
6	Khối lượng toàn bộ	kg		
7	Động cơ			
.....	<i>Các thông số kỹ thuật khác của xe mô tô, xe gắn máy nếu có thay đổi</i>			

Xe mô tô, xe gắn máy đã được chứng nhận cải tạo đảm bảo an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường

....., ngàytháng năm

Đại diện cơ sở đăng kiểm

(ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi :

(1) Ghi số giấy chứng nhận xe mô tô, xe gắn máy cải tạo, cách ghi như sau: mã số cơ sở đăng kiểm- số thứ tự/năm/CNXMM. Ví dụ: 2905V-0026/2025/CNXMM.

(2) Ghi tóm tắt nội dung cải tạo chính của xe mô tô, xe gắn máy và điền vào bảng.

4. Quy trình Kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy (QT-08)

1	Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thực hiện thủ tục kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.
2	Phạm vi: - Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân (chủ xe) mang giấy tờ xe nộp hồ sơ bằng hình thức trực tiếp tại Trung tâm đăng kiểm hoặc qua hệ thống trực tuyến. - Cán bộ, viên chức Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hà Nội thuộc Sở Giao thông vận tải Hà Nội. - Cán bộ, viên chức tại Bộ phận một cửa của Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hà Nội. - Khuyến khích các Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới ngoài công lập áp dụng Quy trình này trong giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân.
3	Nội dung quy trình - Đối với các xe mô tô, xe gắn máy có thời gian tính từ năm sản xuất đến 05 năm, chủ xe không phải nộp hồ sơ kiểm định khí thải và không phải mang xe đến cơ sở đăng kiểm để kiểm định khí thải. Giấy chứng nhận kiểm định khí thải đối với các xe mô tô, xe gắn máy được Cục Đăng kiểm Việt Nam thực hiện cấp trên phần mềm quản lý kiểm định trên cơ sở kết quả chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe mô tô, xe gắn máy trong sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu lấy từ dữ liệu lưu trữ của Cục Đăng kiểm Việt Nam kết hợp cơ sở dữ liệu về đăng ký, quản lý xe cơ giới của Bộ Công an. - Áp dụng đối với xe mô tô, xe gắn máy có thời gian tính từ năm sản xuất trên 05 năm.
3.1	Cơ sở pháp lý:
	- Thông tư số 47/2024/TT- BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định trình tự, thủ tục kiểm định, miễn kiểm định lần đầu cho xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; trình tự, thủ tục chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo; trình tự, thủ tục kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy;

	- Quyết định số 1504/QĐ-BGTVT ngày 09/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ trong lĩnh vực đăng kiểm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải; - Quyết định số 60/QĐ-TTPVHCC ngày 23/01/2025 của Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công Thành phố về việc công bố danh mục TTHC mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ lĩnh vực đăng kiểm thuộc chức năng quản lý nhà nước của Sở Giao thông vận tải thành phố Hà Nội.		
3.2	Thành phần hồ sơ		
	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	+ Chứng nhận đăng ký xe; bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính chứng nhận đăng ký xe	X	X
	Giấy hẹn cấp chứng nhận đăng ký xe	X	
3.3	SỐ LƯỢNG HỒ SƠ: 01 bộ		
3.4	THỜI GIAN XỬ LÝ: - Trường hợp nộp trực tiếp: ngay trong ngày nhận đủ hồ sơ. - Trường hợp qua hệ thống trực tuyến: ngay trong ngày khi chủ xe đưa xe mô tô, xe gắn máy đến.		
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả		
	- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hà Nội: + Trung tâm Đăng kiểm 3301S: Km 15-Quốc lộ 6 - Phường Yên Nghĩa – Quận Hà Đông - Thành phố Hà Nội. + Trung tâm Đăng kiểm 3302S: Phường Quang Trung - Thị xã Sơn Tây – Thành phố Hà Nội.		
3.6	Phí, lệ phí		
	Theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính		

3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
	<i>Cơ sở đăng kiểm tiếp nhận hồ sơ, tra cứu thông tin của xe mô tô, xe gắn máy trên phần mềm quản lý kiểm định và đối chiếu chứng nhận đăng ký xe với xe mô tô, xe gắn máy thực tế: trường hợp xe thuộc trường hợp bị từ chối kiểm định cơ sở đăng kiểm lập thông báo gửi cho chủ xe; trường hợp xe không thuộc trường hợp bị từ chối kiểm định, lập phiếu kiểm soát kiểm định.</i>			
B1	<i>- Đối với hồ sơ nộp trực tiếp:</i>	<i>Nhân viên nghiệp vụ kiểm định</i>	<i>Trong ngày làm việc (giờ hành chính)</i>	
	Thực hiện kiểm định khí thải ngay trong ngày nhận đủ hồ sơ, nếu kết quả kiểm định không đạt yêu cầu, cơ sở đăng kiểm lập thông báo gửi cho chủ xe; trường hợp kết quả đạt yêu cầu thì cơ sở đăng kiểm cấp giấy chứng nhận kiểm định khí thải theo thời hạn hiệu lực của giấy chứng nhận kiểm định khí thải đối với xe mô tô, xe gắn máy + Lập phiếu kiểm soát kiểm định. + Lập phiếu hồ sơ phương tiện + Chuyển hồ sơ phương tiện cho lãnh đạo ký duyệt + Thu phí, lệ phí	Nhân viên nghiệp vụ kiểm định	Tối đa 01 giờ sau khi nhận hồ sơ	- Phiếu kiểm soát kiểm định. - Phiếu hồ sơ phương tiện (<i>Phụ lục II-TT47</i>)

	- Trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống trực tuyến:	Nhân viên nghiệp vụ kiểm định	Trong ngày làm việc (giờ hành chính)	
	Trung tâm xác nhận lịch hẹn kiểm định khí thải đồng thời thông báo với chủ xe về thời gian thực hiện kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy. Khi chủ xe đưa xe mô tô, xe gắn máy đến thì cơ sở đăng kiểm thực hiện với trường hợp nhận trực tiếp.	Nhân viên nghiệp vụ kiểm định	Tối đa 01 giờ sau khi nhận hồ sơ	- Giấy hẹn kiểm định - Phiếu kiểm soát kiểm định. - Phiếu hồ sơ phương tiện (<i>Phụ lục II-TT47</i>)
B2	Toàn bộ hồ sơ trình cho Giám đốc/ Phó Giám đốc trung tâm xem xét duyệt lần cuối.	Giám đốc/ Phó giám đốc Trung tâm	Tối đa 0,5 ngày làm việc sau khi kiểm tra	
B3	Sau khi được Giám đốc/Phó Giám đốc phê duyệt, nhân viên nghiệp vụ vào Sổ theo dõi cấp GCNKĐ, Tem kiểm định, phô tô hồ sơ lưu và hoàn thiện hồ sơ, lưu trữ hồ sơ.	Nhân viên nghiệp vụ kiểm định	Tối đa 02 giờ	
B4	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân và dán tem kiểm định lên phương tiện	Nhân viên nghiệp vụ kiểm định	Tối đa 01 giờ	Giấy chứng nhận kiểm định; Sổ theo dõi quản lý nhập
B5	Thống kê, theo dõi và lưu hồ sơ	Nhân viên nghiệp vụ kiểm định	Giờ hành chính	Sổ theo dõi cấp phát Giấy chứng nhận kiểm định.

	- Chứng nhận kiểm định khí thải cấp cho xe mô tô, xe gắn máy là bản điện tử được tích hợp dữ liệu với tài khoản định danh điện tử của chủ xe.			
	+ Chứng nhận kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy lần đầu.	Chủ xe hoặc Nhân viên nghiệp vụ kiểm định	Trong ngày làm việc (giờ hành chính)	Sổ theo dõi cấp phát Giấy chứng nhận kiểm định.
	+ Chứng nhận kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy định kỳ.	Chủ xe hoặc Nhân viên nghiệp vụ kiểm định	Trong ngày làm việc (giờ hành chính)	Sổ theo dõi cấp phát Giấy chứng nhận kiểm định.
4	BIỂU MẪU			
	- Mẫu Giấy chứng nhận kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.			

Mẫu Chứng nhận kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy lần đầu

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CỤC ĐĂNG KÝ VIỆT NAM	Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH KHÍ THẢI XE MÔ TÔ, XE GẮN MÁY LẦN ĐẦU	
Biển số đăng ký.....	Số ⁽¹⁾ Loại phương tiện:.....
Nhãn hiệu:.....	Tên thương mại:.....
Năm/Nước sản xuất:...../.....	Mã kiểu loại:.....
Sử dụng năng lượng sạch, năng lượng xanh, thân thiện môi trường: ☐	
Cho phép tự động hóa:	☐ Một phần / ☐ Toàn phần
Số khung:.....	Số động cơ:.....
Khối lượng bản thân/toàn	Số người cho phép chở (kể cả người lái):.....

Chú thích:

(1) Số giấy chứng nhận được cấp theo cấu trúc sau: “VR/XX/YYYYYYY”, trong đó:

- “VR”: tên viết tắt của Cục Đăng kiểm Việt Nam;
- “XX”: gồm 02 ký tự bằng số thể hiện 02 số cuối của năm cấp miễn kiểm định khí thải;
- “YYYYYYY”: gồm 07 ký tự bằng số thể hiện số thứ tự xe mô tô, xe gắn máy được cấp miễn kiểm định khí thải trong năm.

Ví dụ: Xe thứ 1234567 được cấp miễn trong năm 2025 thì số giấy chứng nhận: VR/25/1234567.

Mẫu Chứng nhận kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy định kỳ

CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM MÃ SỐ: ⁽¹⁾	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH KHÍ THẢI XE MÔ TÔ, XE GẮN MÁY ĐỊNH KỲ Số ⁽²⁾	
Biển số đăng ký:	Loại phương tiện:
Nhân hiệu:	Tên thương mại:
Năm/Nước sản xuất:/.....	Mã kiểu loại:
Sử dụng năng lượng sạch, năng lượng xanh, thân thiện môi trường: ☐	
Cho phép tự động hóa: ☐ Một phần / ☐ Toàn phần	
Số khung: Số động cơ:	
Khối lượng bản thân/toàn Số người cho phép chở (kể cả người lái):	

Chú thích:

(1) Mã số cơ sở đăng kiểm;

(2) Số giấy chứng nhận được cấp gồm 03 phần được gắn cách với nhau bởi dấu “/” theo cấu trúc sau:

- Phần 1: mã số cơ sở đăng kiểm;
- Phần 2: gồm 02 ký tự bằng số thể hiện 02 số cuối của năm kiểm định khí thải;
- Phần 3: gồm 05 ký tự bằng số thể hiện số thứ tự xe mô tô, xe gắn máy được kiểm định khí thải trong năm tại cơ sở đăng kiểm hoặc cơ sở kiểm định khí thải.

Ví dụ: 2903V/25/12345, 29034/25/99999, 280001XM/25/45678.

5. Quy trình Cấp Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy) (QT-09)

1	Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thực hiện thủ tục Cấp Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy).
2	Phạm vi: - Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân (chủ xe) mang giấy tờ xe nộp hồ sơ bằng hình thức trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hệ thống trực tuyến. - Cán bộ, viên chức Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hà Nội thuộc Sở Giao thông vận tải Hà Nội. - Cán bộ viên chức tại Bộ phận một cửa của Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hà Nội. - Khuyến khích các Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới ngoài công lập áp dụng Quy trình này trong giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân.
3	Nội dung quy trình: - Xe cơ giới đáp ứng các yêu cầu về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo Quy chuẩn về kiểm định xe cơ giới; - Không áp dụng với đối tượng xe mô tô, xe gắn máy
3.1	Cơ sở pháp lý:
	- Thông tư số 47/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định trình tự, thủ tục kiểm định, miễn kiểm định lần đầu cho xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; trình tự, thủ tục chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo; trình tự, thủ tục kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy; - Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn;

	- Giấy tờ phải xuất trình + Giấy tờ về đăng ký xe gồm một trong các giấy tờ sau: bản chính chứng nhận đăng ký xe; bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính chứng nhận đăng ký xe; bản chính giấy hẹn cấp chứng nhận đăng ký xe; + Giấy chứng nhận kết quả kiểm định còn hiệu lực (bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính) đối với: thiết bị nâng hàng có sức nâng theo thiết kế từ 1.000 (kg) trở lên; thiết bị nâng người có chiều cao nâng lớn nhất lớn hơn 2,0 (m); xi téc chở khí hóa lỏng, khí dầu mỏ hóa lỏng, khí thiên nhiên nén hoặc các chất lỏng có áp suất làm việc cao hơn 0,7 (bar) hoặc chất lỏng hay chất rắn dạng bột không có áp suất nhưng khi tháo ra dùng khí có áp suất cao hơn 0,7 (bar) theo quy định tại Nghị định số 44/2016/NĐ-CP.		
	2. Trường hợp kiểm định định kỳ		
	+ Văn bản đề nghị kiểm định ngoài cơ sở đăng kiểm (đối với trường hợp chủ xe có đề nghị);		
	+ Bản chà số khung, số động cơ của xe (đối với xe có thay đổi số khung, số động cơ).		
	- Giấy tờ phải xuất trình + Giấy tờ về đăng ký xe gồm một trong các giấy tờ sau: bản chính chứng nhận đăng ký xe; bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính chứng nhận đăng ký xe; bản chính giấy hẹn cấp chứng nhận đăng ký xe; + Giấy chứng nhận kết quả kiểm định còn hiệu lực (bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính) đối với: thiết bị nâng hàng có sức nâng theo thiết kế từ 1.000 (kg) trở lên; thiết bị nâng người có chiều cao nâng lớn nhất lớn hơn 2,0 (m); xi téc chở khí hóa lỏng,	X	X

	khí dầu mỏ hóa lỏng, khí thiên nhiên nén hoặc các chất lỏng có áp suất làm việc cao hơn 0,7 (bar) hoặc chất lỏng hay chất rắn dạng bột không có áp suất nhưng khi tháo ra dùng khí có áp suất cao hơn 0,7 (bar) theo quy định tại Nghị định số 44/2016/NĐ-CP.		
	3. Trường hợp kiểm định đối với xe có chứng nhận đăng ký xe tạm thời		
	- Xe sản xuất, lắp ráp trong nước, xe thuộc đối tượng nghiên cứu, phát triển có nhu cầu tham gia giao thông đường bộ: xuất trình bản chính chứng nhận đăng ký xe tạm thời và nộp bản sao phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng.	X	X
	- Xe cơ giới nhập khẩu chạy rà trước khi thử nghiệm khí thải:		
	+ Văn bản đề nghị kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới nhập khẩu chạy rà trước khi thử nghiệm khí thải, bản thông số kỹ thuật xe cơ giới nhập khẩu chạy rà trước khi thử nghiệm khí thải theo mẫu;	X	
	+ Bản dịch thuật tiếng việt có chứng thực phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng của nhà sản xuất nước ngoài		X
	+ Xuất trình: Chứng nhận đăng ký xe tạm thời	X	
	- Xe nhập khẩu (không thuộc trường hợp: xe sản xuất, lắp ráp trong nước, xe thuộc đối tượng nghiên cứu, phát triển có nhu cầu tham gia giao thông đường bộ; xe cơ giới nhập khẩu chạy rà trước khi thử nghiệm khí thải): xuất trình bản chính chứng nhận đăng ký xe tạm thời và nộp bản sao phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng của nhà sản xuất nước ngoài.	X	X
3.3	Số lượng hồ sơ: 01 bộ		

3.4	Thời gian xử lý:
	- Thời hạn kiểm tra, đánh giá hồ sơ: ngay trong ngày nhận được hồ sơ; - Thời hạn kiểm tra, đánh giá xe: + Trường hợp kiểm định tại cơ sở đăng kiểm: ngay khi nhận được hồ sơ đầy đủ, xe không bị từ chối kiểm định. + Trường hợp kiểm định ngoài đơn vị đăng kiểm: trường hợp hồ sơ đầy đủ, xe không bị từ chối kiểm định, tiến hành kiểm tra, đánh giá xe theo lịch hẹn. - Thời hạn trả kết quả: + Trường hợp kiểm định tại cơ sở đăng kiểm: ngay sau khi kết thúc việc kiểm tra, đánh giá; + Trường hợp kiểm định ngoài đơn vị đăng kiểm: 03 ngày làm việc kể từ khi kết thúc kiểm tra.
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả
	- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hà Nội: + Trung tâm Đăng kiểm 3301S: Km 15-Quốc lộ 6-Phường Yên Nghĩa-Q.Hà Đông-Tp.Hà Nội. + Trung tâm Đăng kiểm 3302S: Phường Quang Trung-TX Sơn Tây-Tp.Hà Nội - Nộp hồ sơ qua hệ thống trực tuyến: Trung tâm thực hiện như với trường hợp nhận trực tiếp nhưng trên hệ thống trực tuyến.
3.6	Phí, lệ phí:
	- Lệ phí cấp giấy chứng nhận: 40.000 đồng/01 Giấy chứng nhận kiểm định, riêng đối với ô tô dưới 10 chỗ ngồi (không bao gồm xe cứu thương): 90.000 đồng/01 Giấy chứng nhận kiểm định. - Giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới theo Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 và Thông tư số 55/2022/TT-BTC ngày 24/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

3.7 Quy trình xử lý công việc				
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
	1. Trường hợp nhận hồ sơ trực tiếp:			
	<i>A, Kiểm định tại cơ sở đăng kiểm: trường hợp không đầy đủ thì hướng dẫn chủ xe hoàn thiện hồ sơ; trường hợp xe bị từ chối kiểm định thì lập thông báo gửi cho chủ xe; trường hợp hồ sơ đầy đủ, xe không bị từ chối kiểm định thì lập phiếu kiểm soát kiểm định; tiến hành kiểm tra, đánh giá xe</i>	<i>Nhân viên nghiệp vụ kiểm định</i>	<i>Trong ngày làm việc (giờ hành chính)</i>	
B1	- Văn bản đề nghị kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới nhập khẩu chạy rà trước khi thử nghiệm khí thải; Bản Thông số kỹ thuật xe cơ giới nhập khẩu chạy rà trước khi thử nghiệm khí thải; - Thông báo kết quả kiểm tra, đánh giá; - Giấy hẹn trả Giấy chứng nhận kiểm định;	Nhân viên nghiệp vụ kiểm định	Tối đa 01 giờ sau khi nhận hồ sơ	- Mẫu Đơn đề nghị theo mẫu; - Phiếu hồ sơ phương tiện (Phụ lục II-TT47);
B2	Toàn bộ hồ sơ được trình cho Giám đốc/ Phó Giám đốc trung tâm xem xét duyệt.	Giám đốc/Phó giám đốc Trung tâm	Tối đa 0,5 Ngày làm việc	Giấy chứng nhận kiểm định và tem kiểm định
B3	Sau khi được Giám đốc/Phó Giám đốc phê duyệt, nhân viên nghiệp vụ vào Sổ theo dõi cấp GCNKĐ, Tem kiểm định, pho tô hồ sơ lưu và hoàn thiện hồ sơ, lưu trữ hồ sơ.	Nhân viên nghiệp vụ kiểm định	Tối đa 02 giờ sau khi nhận hồ sơ	Giấy chứng nhận kiểm định và tem kiểm định

B4	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân và dán tem kiểm định lên phương tiện	Nhân viên nghiệp vụ kiểm định	Tối đa 01 giờ	Giấy chứng nhận kiểm định và tem kiểm định; Sổ theo dõi quản lý nhập, cấp phát phôi GCNKĐ, Tem KĐ
B5	Thống kê, theo dõi và lưu hồ sơ	Nhân viên nghiệp vụ kiểm định	Giờ hành chính	Sổ theo dõi cấp phát Giấy chứng nhận và Tem kiểm định.
	<i>b) Kiểm định ngoài cơ sở đăng kiểm: trường hợp không đầy đủ thì hướng dẫn chủ xe hoàn thiện hồ sơ; đối với xe bị từ chối kiểm định, xe không thuộc đối tượng kiểm định, địa điểm kiểm định ngoài cơ sở đăng kiểm không đáp ứng quy định, lập thông báo gửi cho chủ xe; trường hợp hồ sơ đầy đủ, xe không bị từ chối kiểm định, xe thuộc đối tượng kiểm định ngoài cơ sở đăng kiểm, địa điểm kiểm định ngoài cơ sở đăng kiểm đáp ứng quy định, lập giấy hẹn lịch kiểm định gửi cho chủ xe; lập phiếu kiểm soát kiểm định; tiến hành kiểm tra, đánh giá xe theo lịch</i>	<i>Nhân viên nghiệp vụ kiểm định</i>	<i>03 ngày làm việc kể từ khi kết thúc kiểm tra</i>	<i>- Văn bản đề nghị kiểm định ngoài cơ sở đăng kiểm</i>

B1	- Văn bản đề nghị kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới nhập khẩu chạy rà trước khi thử nghiệm khí thải; Bản Thông số kỹ thuật xe cơ giới nhập khẩu chạy rà trước khi thử nghiệm khí thải; - Thông báo kết quả kiểm tra, đánh giá; - Giấy hẹn trả Giấy chứng nhận kiểm định;	Nhân viên nghiệp vụ kiểm định	Tối đa 02 ngày làm việc sau khi nhận hồ sơ	- Mẫu Đơn đề nghị theo mẫu; - Phiếu hồ sơ phương tiện (<i>Phụ lục II-TT47</i>);
B2	Toàn bộ hồ sơ được trình cho Giám đốc/ Phó Giám đốc trung tâm xem xét duyệt.	Giám đốc/Phó giám đốc Trung tâm	Tối đa 0,5 ngày làm việc	Giấy chứng nhận kiểm định và tem kiểm định
B3	Sau khi được Giám đốc/Phó Giám đốc phê duyệt, nhân viên nghiệp vụ vào Sổ theo dõi cấp GCNKĐ, Tem kiểm định, photo hồ sơ lưu và hoàn thiện hồ sơ, lưu trữ hồ sơ.	Nhân viên nghiệp vụ kiểm định	Tối đa 2,5 giờ sau khi nhận hồ sơ	Giấy chứng nhận kiểm định và tem kiểm định
B4	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân và dán tem kiểm định lên phương tiện	Nhân viên nghiệp vụ kiểm định	Tối đa 1,5 giờ	Giấy chứng nhận kiểm định và tem kiểm định; Sổ theo dõi quản lý nhập, cấp phát phôi GCNKĐ, Tem KĐ
B5	Thống kê, theo dõi và lưu hồ sơ	Nhân viên nghiệp vụ kiểm định	Giờ hành chính	Sổ theo dõi cấp phát Giấy chứng nhận và Tem kiểm định.

	<i>- Trường hợp nhận hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc hệ thống trực tuyến:</i>			
	Trung tâm thực hiện như với trường hợp nhận trực tiếp nhưng trên hệ thống trực tuyến và gửi thông báo kết quả kiểm tra, đánh giá hồ sơ hoặc lịch hẹn đưa xe đến kiểm định cho chủ xe qua hệ thống bưu chính hoặc trên hệ thống trực tuyến.	Nhân viên nghiệp vụ kiểm định	Trong ngày làm việc (giờ hành chính)	- Mẫu Đơn đề nghị theo mẫu; - Phiếu hồ sơ phương tiện (Phụ lục II-TT47);
B1	- Văn bản đề nghị kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới nhập khẩu chạy rà trước khi thử nghiệm khí thải; Bản Thông số kỹ thuật xe cơ giới nhập khẩu chạy rà trước khi thử nghiệm khí thải; - Thông báo kết quả kiểm tra, đánh giá; - Giấy hẹn trả Giấy chứng nhận kiểm định;	Nhân viên nghiệp vụ kiểm định	Tối đa 01 giờ sau khi nhận hồ sơ	- Mẫu Đơn đề nghị theo mẫu; - Phiếu hồ sơ phương tiện (Phụ lục II-TT47);
B2	Toàn bộ hồ sơ được trình cho Giám đốc/ Phó Giám đốc trung tâm xem xét duyệt.	Giám đốc/Phó giám đốc Trung tâm	Tối đa 0,5 Ngày làm việc	Giấy chứng nhận kiểm định và tem kiểm định
B3	Sau khi được Giám đốc/Phó Giám đốc phê duyệt, nhân viên nghiệp vụ vào Sổ theo dõi cấp GCNKĐ, Tem kiểm định, photo hồ sơ lưu và hoàn thiện hồ sơ, lưu trữ hồ sơ.	Nhân viên nghiệp vụ kiểm định	Tối đa 02 giờ sau khi nhận hồ sơ	Giấy chứng nhận kiểm định và tem kiểm định
B4	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân và dán tem kiểm định lên phương tiện	Nhân viên nghiệp vụ kiểm định	Tối đa 01 giờ	Giấy chứng nhận kiểm định và tem kiểm định;

				Sổ theo dõi quản lý nhập, cấp phát phôi GCNKĐ, Tem KĐ
B5	Thống kê, theo dõi và lưu hồ sơ	Nhân viên nghiệp vụ kiểm định	Giờ hành chính	Sổ theo dõi cấp phát Giấy chứng nhận và Tem kiểm định.
	<i>- Trường hợp xe chưa có dữ liệu trong cơ sở dữ liệu của Cục Đăng kiểm Việt Nam thì cơ sở đăng kiểm lập bản xác nhận thông số kỹ thuật của xe để làm căn cứ lập hồ sơ phương tiện.</i>			
	Sau khi thẩm tra hồ sơ xong, các trình tự làm như trường hợp Kiểm định tại cơ sở đăng kiểm	Nhân viên nghiệp vụ kiểm định	Trong ngày làm việc (giờ hành chính)	- Mẫu Đơn đề nghị theo mẫu; - Phiếu hồ sơ phương tiện (<i>Phụ lục II-TT47</i>);
B1	- Văn bản đề nghị kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới nhập khẩu chạy rà trước khi thử nghiệm khí thải; Bản Thông số kỹ thuật xe cơ giới nhập khẩu chạy rà trước khi thử nghiệm khí thải; - Thông báo kết quả kiểm tra, đánh giá; - Giấy hẹn trả Giấy chứng nhận kiểm định;	Nhân viên nghiệp vụ kiểm định	Tối đa 01 giờ sau khi nhận hồ sơ	- Mẫu Đơn đề nghị theo mẫu; - Phiếu hồ sơ phương tiện (<i>Phụ lục II-TT47</i>);

B2	Toàn bộ hồ sơ được trình cho Giám đốc/ Phó Giám đốc trung tâm xem xét duyệt.	Giám đốc/ Phó giám đốc Trung tâm	Tối đa 0,5 Ngày làm việc	Giấy chứng nhận kiểm định và tem kiểm định
B3	Sau khi được Giám đốc/Phó Giám đốc phê duyệt, nhân viên nghiệp vụ vào Sổ theo dõi cấp GCNKĐ, Tem kiểm định, photo hồ sơ lưu và hoàn thiện hồ sơ, lưu trữ hồ sơ.	Nhân viên nghiệp vụ kiểm định	Tối đa 02 giờ sau khi nhận hồ sơ	Giấy chứng nhận kiểm định và tem kiểm định
B4	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân và dán tem kiểm định lên phương tiện	Nhân viên nghiệp vụ kiểm định	Tối đa 01 giờ	Giấy chứng nhận kiểm định và tem kiểm định; Sổ theo dõi quản lý nhập, cấp phát phôi GCNKĐ, Tem KĐ
B5	Thống kê, theo dõi và lưu hồ sơ	Nhân viên nghiệp vụ kiểm định	Giờ hành chính	Sổ theo dõi cấp phát Giấy chứng nhận và Tem kiểm định.
4	BIỂU MẪU			
	- Mẫu Văn bản đề nghị kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới nhập khẩu chạy rà trước khi thử nghiệm khí thải; Bản Thông số kỹ thuật xe cơ giới nhập khẩu chạy rà trước khi thử nghiệm khí thải; - Mẫu Văn bản đề nghị kiểm định ngoài cơ sở đăng kiểm; - Mẫu Thông báo kết quả kiểm tra, đánh giá; - Mẫu Giấy hẹn trả Giấy chứng nhận kiểm định; - Mẫu Giấy chứng nhận và Tem kiểm định.			

**TRƯỜNG XE CƠ GIỚI NHẬP KHẨU CHẠY RÀ TRƯỚC KHI
THỬ NGHIỆM KHÍ THẢI**

CƠ SỞ NHẬP KHẨU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

**ĐỀ NGHỊ KIỂM ĐỊNH AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
XE CƠ GIỚI NHẬP KHẨU CHẠY RÀ TRƯỚC KHI THỬ NGHIỆM KHÍ THẢI**

Kính gửi: Cơ sở đăng kiểm (mã số)

Căn cứ Thông tư số 47/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định trình tự, thủ tục kiểm định, miễn kiểm định lần đầu cho xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; trình tự, thủ tục chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo; trình tự, thủ tục kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.

Cơ sở nhập khẩu:

Địa chỉ:

Số điện thoại: Email:

Người liên hệ: Số điện thoại:

Đề nghị cơ sở đăng kiểm (mã số) kiểm định, cấp giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe cơ giới do công ty chúng tôi nhập khẩu chạy rà trước khi thử nghiệm khí thải.

Chúng tôi xin gửi kèm văn bản này bản thông số kỹ thuật xe cơ giới nhập khẩu chạy rà trước khi thử nghiệm khí thải và bản dịch thuật có chứng thực giấy chứng nhận xuất xưởng của nhà sản xuất chiếc xe này.

Chúng tôi cam kết các thông tin cung cấp là hoàn toàn chính xác, đồng thời cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật để đảm bảo an toàn trong quá trình di chuyển trên đường./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.

....., ngày tháng năm

Cơ sở nhập khẩu

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

BẢN THÔNG SỐ KỸ THUẬT**XE CƠ GIỚI NHẬP KHẨU CHẠY RÀ TRƯỚC KHI THỬ NGHIỆM KHÍ THẢI**

(Kèm theo văn bản đề nghị kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới nhập khẩu chạy rà trước khi thử nghiệm khí thải số)

ngày...../...../.....)

THÔNG TIN CHUNG

Cơ sở nhập khẩu:	Điện thoại:
Địa chỉ:	
Loại phương tiện:	Mã số VIN:
Sử dụng năng lượng sạch, năng lượng xanh, thân thiện môi trường:	☐
Cho phép tự động hóa:	☐ Một phần / ☐ Toàn phần
Nhãn hiệu/Tên thương mại:	Mã kiểu loại:
Số khung:	Vị trí:
Số động cơ:	Vị trí:
Năm sản xuất:	Nước sản xuất:

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Thông số kích thước, khối lượng cơ bản	
Kích thước bao (DxRxC) (mm):	
Kích thước lòng/bao thùng xe/ bao ngoài xi téc (mm):	
Công thức bánh xe:	Vết bánh xe (mm):
Khoảng cách trục (mm):	Số người cho phép chở (ngồi/đứng/nằm): (không bao gồm người lái)
Khối lượng bản thân (kg):	Khối lượng kéo theo thiết kế/cho phép lớn nhất (kg): /
Khối lượng hàng chuyên chở theo thiết kế (kg):	Khối lượng hàng chuyên chở cho phép lớn nhất (kg):
Khối lượng toàn bộ theo thiết kế (kg):	Khối lượng toàn bộ cho phép lớn nhất (kg):

Động cơ đốt trong			
Ký hiệu:		Loại động cơ:	
Loại nhiên liệu:		Thể tích làm việc (cm ³):	
Xe hybrid: ☐ Có sạc ngoài / ☐ Không có sạc ngoài		Mô men xoắn lớn nhất/Tốc độ quay (N.m/rpm):	
Công suất lớn nhất/Tốc độ quay (kW/rpm):			
Động cơ điện			
Ký hiệu:		Loại động cơ:	
Công suất lớn nhất của động cơ điện (kW):		Loại ắc quy/điện áp-dung lượng (V-Ah):	
Hệ thống truyền lực			
Kiểu ly hợp:		Dẫn động ly hợp:	
Kiểu hộp số chính: Số cấp tiến:		Có hộp số phụ: Số cấp tiến:	
Trục dẫn hướng:		Trục chủ động:	
Hệ thống lái			
Kiểu cơ cấu lái:		Kiểu dẫn động:	
Hệ thống phanh			
Cơ cấu phanh: (trục 1, trục 2, ...)		Kiểu dẫn động phanh chính:	
Loại phanh đỗ:		Loại phanh hỗ trợ:	
Thông tin các trục			
Kiểu treo	Kiểu giảm chấn	Số lớp	Cỡ lớp
Thiết bị đặc trưng:			
(Mô tả thiết bị đặc trưng nếu có)			

Chúng tôi cam kết bản thông số kỹ thuật này phù hợp với kiểu loại xe cơ giới đã đăng ký và chịu hoàn toàn trách nhiệm về các vấn đề phát sinh liên quan đến bản thông số này.

MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ KIỂM ĐỊNH NGOÀI CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****ĐỀ NGHỊ KIỂM ĐỊNH NGOÀI CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM**

Kính gửi: Cơ sở đăng kiểm (mã số)

Căn cứ Thông tư số 47/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

Người đề nghị:

Địa chỉ:

Điện thoại:; Email:.....

Đề nghị cơ sở đăng kiểm (mã số) đến kiểm định cho các phương tiện được liệt kê ở bảng sau:

STT	Biển số	Số khung	Số máy	Ngày hết hạn kiểm định
1	29C-12345			
2				

Đường kiểm tra phanh⁽¹⁾:

Thời gian kiểm định:

Địa điểm kiểm định:

....., ngày... tháng... năm

Người đề nghị

(ký và ghi rõ họ tên)

(1) Người đề nghị mô tả thông tin về đường kiểm tra phanh gồm: chiều dài, chiều rộng, loại mặt đường.

MẪU THÔNG BÁO KẾT QUẢ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ
CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM (MÃ SỐ) CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

THÔNG BÁO KẾT QUẢ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

Về nội dung: ☐ Tiếp nhận hồ sơ ☐ Kiểm tra, đánh giá hồ sơ
☐ Kiểm tra, đánh giá xe ☐ Kiểm định xe

Kính gửi chủ xe:

I. Thông tin về hồ sơ/phương tiện(1):

.....
.....

II. Nội dung đề nghị bổ sung, khắc phục/Nội dung không đạt(2):

.....
.....

III. Thông tin khác: (3):

.....
.....

IV. Kết quả kiểm tra, đánh giá: ☐ Đạt yêu cầu ☐ Không đạt yêu cầu

1. Thời gian trả kết quả kiểm tra, đánh giá hồ sơ:.....

2. Thời gian, địa điểm kiểm tra, đánh giá xe cải tạo:.....

.....

Cơ sở đăng kiểm..... thông báo để chủ xe.....được
biết và phối hợp thực hiện.

....., ngày tháng ... năm ...

Đại diện cơ sở đăng kiểm
(ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu ...

Hướng dẫn ghi:

- (1) Ghi biển số hoặc số khung trong trường hợp kiểm định; ghi ký hiệu thiết kế trong trường hợp cải tạo;
- (2) Ghi rõ nội dung, hạng mục kiểm định hoặc kiểm tra, đánh giá hồ sơ không đạt;
- (3) Ghi trường hợp xe bị từ chối kiểm định, xe đã được miễn kiểm định lần đầu, điều kiện đường thử phanh không đáp ứng.

**MẪU GIẤY HẸN TRẢ GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH (DÙNG CHO
XE CHỈ CÓ GIẤY HẸN CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ XE)****CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM (MÃ SỐ) CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.....

GIẤY HẸN TRẢ GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH

Biển số:

Chiếc xe có biển số nêu trên đã được cấp miễn kiểm định lần đầu ☐Chiếc xe có biển số nêu trên đã được kiểm định và đáp ứng quy định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường ☐

Thông tin cơ bản của xe như sau:

- Khối lượng bản thân: (kg)
- Khối lượng hàng chuyên chở cho phép lớn nhất: (kg)
- Khối lượng kéo theo cho phép lớn nhất: (kg)
- Khối lượng toàn bộ cho phép lớn nhất: (kg)
- Số người cho phép chở: chỗ ngồi:chỗ đứng:chỗ nằm:

Ngay sau khi có giấy tờ về đăng ký xe (trừ giấy hẹn cấp chứng nhận đăng ký)
thì chủ xe mang tới cơ sở đăng kiểm địa chỉ
để nhận Giấy chứng nhận kiểm định.

....., ngàytháng... năm...

Đại diện cơ sở đăng kiểm

(ký tên, đóng dấu)

2. Mẫu Tem kiểm định



Chú thích:

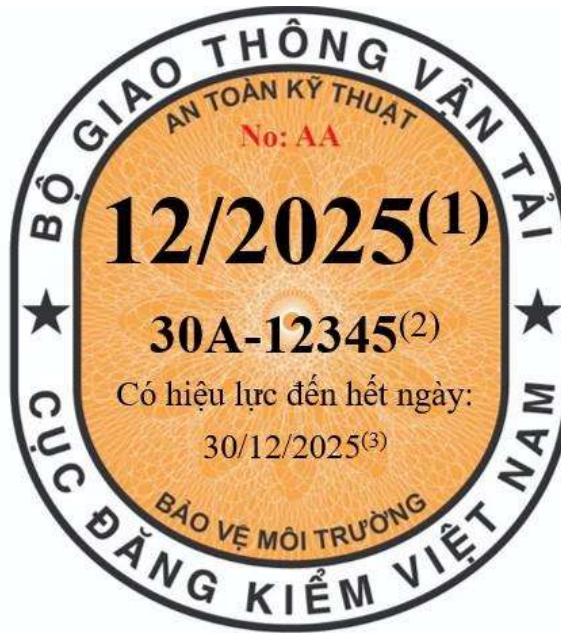
- (1): In thời hạn tháng/năm hết hiệu lực;
- (2): In biển số xe được cấp tem kiểm định;
- (3): In thời hạn ngày/tháng/năm hết hiệu lực.

1. Mẫu Giấy chứng nhận

CHỦ XE, LÁI XE CẦN BIẾT <i>Vehicle owners, drivers should be aware of the following:</i> 1. Khi tham gia giao thông phải mang theo Chứng nhận kiểm định. Nộp lại Chứng nhận kiểm định và Tem kiểm định khi có thông báo thu hồi của các Cơ sở đăng kiểm. <i>Vehicle operators must carry the inspection certificate while in traffic. Return the inspection certificate and inspection sticker when receiving a withdrawal notice from the Inspection Centers.</i> 2. Không sử dụng Chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định bị sửa chữa, tẩy xóa nội dung và làm giả. <i>Do not use inspection certificates or inspection stickers that have been altered, erased, or forged.</i> 3. Phải bảo dưỡng, sửa chữa để bảo đảm duy trì tình trạng kỹ thuật của phương tiện; chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật đối với hành vi đưa phương tiện không bảo đảm an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường tham gia giao thông đường bộ. <i>Perform maintenance and repairs to maintain the vehicle's technical condition; legally liable for operating a vehicle that fails to meet technical safety and environmental protection requirements to participate in road traffic.</i> 4. Không cài tạo trái phép; cố ý can thiệp làm sai lệch chỉ số trên đồng hồ báo quãng đường đã chạy; cắt, hàn, tẩy xóa, đục sửa, đóng lại trái phép số khung, số động cơ. <i>Do not conduct unauthorized vehicle modifications; intentionally alter the odometer, or illegally cut, weld, erase, tamper with, or re-stamp the chassis number or engine number.</i> 5. Không tự ý can thiệp, thay đổi phần mềm điều khiển của xe, đồng cơ của xe đã được đăng ký với cơ quan quản lý nhằm mục đích gian lận kết quả kiểm định; Không thuê, mượn phụ tùng chỉ để thực hiện việc kiểm định. <i>Do not independently interfere with or alter the vehicle's control software or engine registered with regulatory authorities to manipulate inspection results; do not rent or borrow parts solely for inspection purposes.</i> 6. Chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định không còn hiệu lực khi xe bị tai nạn giao thông đến mức không đảm bảo an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường. <i>The inspection certificate and inspection sticker are no longer valid if the vehicle is involved in a traffic accident to the extent that it no longer meets technical safety and environmental protection requirements.</i>	BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM MOT – Vietnam Register No: (số seri) CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG XE CƠ GIỚI PERIODICAL INSPECTION CERTIFICATE OF MOTOR VEHICLE FOR COMPLIANCE WITH TECHNICAL SAFETY AND ENVIRONMENTAL PROTECTION REQUIREMENTS Biên đăng ký: Số quản lý phương tiện: (Registration plate) (Vehicle inspection No.) Nhóm phương tiện (Vehicle's group): Loại phương tiện (Vehicle's type): Sử dụng năng lượng sạch, năng lượng xanh, thân thiện môi trường: ☐ (Clean, green energy vehicle): Cho phép tự động hóa (Allows automation): ☐ Một phần (Partially) ☐ Toàn phần (Fully) Nhãn hiệu, tên thương mại: / (Trademark, Commercial name) Mã kiểu loại (Model code): Số động cơ (Engine No): / Số khung (Chassis No): Năm / Nước sản xuất: / Niên hạn sử dụng: (Production year / Country) (Lifetime Limit to) Có kinh doanh vận tải (Commercial use): ☐ Có cài tạo (Modification): ☐
THÔNG SỐ KỸ THUẬT (SPECIFICATIONS) Công thức bánh xe: Vết bánh xe: (mm) (Wheel formula) (Wheel tread) Kích thước bao (Overall dimensions): (mm) Kích thước lòng/bao thùng xe/bao ngoài xi téc: (mm) (Inside/outside dimensions of cargo deck/outside dimensions of tank) Khoảng cách trục (Wheel base): (mm) Khối lượng bản thân (Kerb mass): (kg) Khối lượng hàng CC theo TK/CP LN: / (kg) (Design/Authorized cargo pay mass) Khối lượng kéo theo TK/CP LN: / (kg) (Design/Authorized towed mass) Khối lượng toàn bộ theo TK/CP LN: / (kg) (Design/Authorized total mass) Số người cho phép chở: chỗ ngồi: chỗ đứng: chỗ nằm: (Permissible No of pers carried, not include driver: seating, standing, lying) Loại động cơ đốt trong (Engine type): Ký hiệu: Thể tích làm việc: (cm³) (Engine model) (Engine displacement) - Công suất lớn nhất/tốc độ quay (Max.output/rpm): (kW/rpm) - Loại nhiên liệu (Fuel): Loại động cơ điện (Motor type): - Số lượng, ký hiệu động cơ điện: (Number of motors, motor model) - Điện áp/ Tổng công suất của động cơ điện: (V/kW) (Voltage/ Total rated power of motor) - Loại ắc quy/điện áp-dung lượng: (V-Ah) (Type of battery/voltage-capacity) Ng: (số seri)	Số lượng lốp/cỡ lốp/trục (The number of tires / tire size / axle): ngày tháng năm (Issued on: Day/Month/Year) CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM (INSPECTION CENTER) Số phiếu kiểm định (Inspection report No) Có hiệu lực đến hết ngày (Valid until): Vị trí in ảnh tổng thể xe cơ giới khi vào kiểm định (Kích thước 80 mm x 60 mm); đối với xe miễn kiểm định lần đầu ghi rõ: "Xe thuộc đợt lượng miễn kiểm định lần đầu" (Image Position of Vehicle) Có lắp thiết bị giám sát hành trình (Equipped with tachograph) ☐ Có lắp thiết bị ghi nhận hình ảnh người lái xe (Equipped with camera) ☐ PT không được cấp Tem kiểm định (Vehicle not issued with inspection stamp) ☐ Ghi chú (Notes): (1) xxxxxxxxxx (2)

(2): Dãy số được in tự động từ phần mềm quản lý kiểm định.

2. Tem kiểm định



Chú thích:

- (1): In thời hạn tháng/năm hết hiệu lực;
- (2): In biển số xe được cấp tem kiểm định;
- (3): In thời hạn ngày/tháng/năm hết hiệu lực.

6. Quy trình Cấp Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe máy chuyên dùng (QT-10)

1	Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thực hiện thủ tục Cấp Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe máy chuyên dùng.
2	Phạm vi: - Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân (chủ xe) mang giấy tờ xe nộp hồ sơ bằng hình thức trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hệ thống trực tuyến. - Cán bộ, viên chức Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hà Nội thuộc Sở Giao thông vận tải Hà Nội. - Cán bộ viên chức tại Bộ phận một cửa của Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hà Nội. - Khuyến khích các Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới ngoài công lập áp dụng Quy trình này trong giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân.
3	Nội dung quy trình Xe máy chuyên dùng đáp ứng các yêu cầu về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo Quy chuẩn về xe máy chuyên dùng.
3.1	Cơ sở pháp lý: - Thông tư số 47/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định trình tự, thủ tục kiểm định, miễn kiểm định lần đầu cho xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; trình tự, thủ tục chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo; trình tự, thủ tục kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy; - Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn;

	- Thông tư số 36/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn; - Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới; - Thông tư số 55/2022/TT-BTC ngày 24 tháng 8 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới; - Quyết định số 1504/QĐ-BGTVT ngày 09/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ trong lĩnh vực đăng kiểm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải; - Quyết định số 60/QĐ-TTPVHCC ngày 23/01/2025 của Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công Thành phố về việc công bố danh mục TTHC mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ lĩnh vực đăng kiểm thuộc chức năng quản lý nhà nước của Sở Giao thông vận tải thành phố Hà Nội.		
3.2	Thành phần hồ sơ:		
	1. Trường hợp kiểm định lần đầu:		
	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	- Giấy tờ phải nộp		
	+ Văn bản đề nghị kiểm định ngoài cơ sở đăng kiểm (đối với trường hợp chủ xe có đề nghị)		
	+ Bản chà số khung, số động cơ của xe;		
	+ Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng (đối với xe sản xuất, lắp ráp trong nước);		x

+ Giấy chứng nhận cải tạo của xe (đối với xe cải tạo).	x	
- Giấy tờ phải xuất trình		
+ Giấy tờ về đăng ký xe gồm một trong các giấy tờ sau: Bản chính chứng nhận đăng ký xe; bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính chứng nhận đăng ký xe; bản chính giấy hẹn cấp chứng nhận đăng ký xe	x	
+ Giấy chứng nhận kết quả kiểm định còn hiệu lực (bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính) đối với: Thiết bị nâng hàng có sức nâng theo thiết kế từ 1.000 (kg) trở lên; thiết bị nâng người có chiều cao nâng lớn nhất lớn hơn 2,0 (m); xi téc chở khí hóa lỏng, khí dầu mỏ hóa lỏng, khí thiên nhiên nén hoặc các chất lỏng có áp suất làm việc cao hơn 0,7 (bar) hoặc chất lỏng hay chất rắn dạng bột không có áp suất nhưng khi tháo ra dùng khí có áp suất cao hơn 0,7 (bar) theo quy định tại Nghị định số 44/2016/NĐ-CP.	x	x
2. Trường hợp kiểm định định kỳ:		
- Giấy tờ phải nộp	Bản chính	Bản sao
Văn bản đề nghị kiểm định ngoài cơ sở đăng kiểm (đối với trường hợp chủ xe có đề nghị)		
Bản chà số khung, số động cơ của xe (đối với xe có thay đổi số khung, số động cơ).		
- Giấy tờ phải xuất trình		
Giấy tờ về đăng ký xe gồm một trong các giấy tờ sau: Bản chính chứng nhận đăng ký xe; bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính chứng nhận đăng ký xe; bản chính giấy hẹn cấp chứng nhận đăng ký xe	x	x

	Giấy chứng nhận kết quả kiểm định còn hiệu lực (bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính) đối với: Thiết bị nâng hàng có sức nâng theo thiết kế từ 1.000 (kg) trở lên; thiết bị nâng người có chiều cao nâng lớn nhất lớn hơn 2,0 (m); xi téc chở khí hóa lỏng, khí dầu mỏ hóa lỏng, khí thiên nhiên nén hoặc các chất lỏng có áp suất làm việc cao hơn 0,7 (bar) hoặc chất lỏng hay chất rắn dạng bột không có áp suất nhưng khi tháo ra dùng khí có áp suất cao hơn 0,7 (bar) theo quy định tại Nghị định số 44/2016/NĐ-CP.	X	X
	3. Trường hợp kiểm định đối với xe có chứng nhận đăng ký xe tạm thời		
	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	Xe sản xuất, lắp ráp trong nước, xe thuộc đối tượng nghiên cứu, phát triển có nhu cầu tham gia giao thông đường bộ: Xuất trình bản chính chứng nhận đăng ký xe tạm thời và nộp bản sao phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng	X	
	Xe nhập khẩu (không thuộc trường hợp: Xe sản xuất, lắp ráp trong nước, xe thuộc đối tượng nghiên cứu, phát triển có nhu cầu tham gia giao thông đường bộ): xuất trình bản chính chứng nhận đăng ký xe tạm thời và nộp bản sao phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng của nhà sản xuất nước ngoài	X	
3.3	SỐ LƯỢNG HỒ SƠ: 01 bộ		
3.4	THỜI GIAN XỬ LÝ:		

	- Thời hạn kiểm tra, đánh giá hồ sơ: ngay trong ngày nhận được hồ sơ; - Thời hạn kiểm tra, đánh giá xe: + Trường hợp kiểm định tại cơ sở đăng kiểm: Ngay khi nhận được hồ sơ đầy đủ, xe không bị từ chối kiểm định. + Trường hợp kiểm định ngoài đơn vị đăng kiểm: Trường hợp hồ sơ đầy đủ, xe không bị từ chối kiểm định, tiến hành kiểm tra, đánh giá xe theo lịch hẹn. - Thời hạn trả kết quả: + Trường hợp kiểm định tại cơ sở đăng kiểm: Ngay sau khi kết thúc việc kiểm tra, đánh giá; + Trường hợp kiểm định ngoài đơn vị đăng kiểm: 03 ngày làm việc kể từ khi kết thúc kiểm tra.
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả
	- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hà Nội: + Trung tâm Đăng kiểm 3301S: Km 15 - Quốc lộ 6 - Phường Yên Nghĩa- Quận Hà Đông - Thành phố Hà Nội. + Trung tâm Đăng kiểm 3302S: Phường Quang Trung – Thị xã Sơn Tây – Thành phố Hà Nội. - Nộp hồ sơ qua hệ thống trực tuyến: Trung tâm thực hiện như trường hợp nhận trực tiếp nhưng trên hệ thống trực tuyến.
3.6	Phí, lệ phí
	- Lệ phí cấp giấy chứng nhận: 40.000 đồng/01 Giấy chứng nhận kiểm định. - Giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới theo Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11/12/2016 và Thông tư số 55/2022/TT-BTC ngày 24/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
3.7	Quy trình xử lý công việc

TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
	1. Trường hợp nhận hồ sơ trực tiếp:			
	<i>a) Kiểm định tại cơ sở đăng kiểm: trường hợp không đầy đủ thì hướng dẫn chủ xe hoàn thiện hồ sơ; trường hợp xe bị từ chối kiểm định thì lập thông báo gửi cho chủ xe; trường hợp hồ sơ đầy đủ, xe không bị từ chối kiểm định thì lập phiếu kiểm soát kiểm định; tiến hành kiểm tra, đánh giá xe.</i>	<i>Nhân viên nghiệp vụ kiểm định</i>	<i>Trong ngày làm việc (giờ hành chính)</i>	
B1	- Thông báo kết quả kiểm tra, đánh giá; - Giấy hẹn trả Giấy chứng nhận kiểm định;	Nhân viên nghiệp vụ kiểm định	Tối đa 01 giờ sau khi nhận hồ sơ	- Mẫu Đơn đề nghị theo mẫu; - Phiếu hồ sơ phương tiện (<i>Phụ lục II-TT47</i>);
B2	Toàn bộ hồ sơ được trình cho Giám đốc/ Phó Giám đốc trung tâm xem xét duyệt.	Giám đốc/ Phó giám đốc Trung tâm	Tối đa 0,5 ngày làm việc	Giấy chứng nhận kiểm định và tem kiểm định
B3	Sau khi được Giám đốc/Phó Giám đốc phê duyệt, nhân viên nghiệp vụ vào Sổ theo dõi cấp GCNKĐ, Tem kiểm định, phôi hồ sơ lưu và hoàn thiện hồ sơ, lưu trữ hồ sơ.	Nhân viên nghiệp vụ kiểm định	Tối đa 02 giờ sau khi nhận hồ sơ	Giấy chứng nhận kiểm định và tem kiểm định
B4	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân và dán tem kiểm định lên phương tiện	Nhân viên nghiệp vụ kiểm định	Tối đa 01 giờ	Giấy chứng nhận kiểm định và tem kiểm định;

				Sổ theo dõi quản lý nhập, cấp phát phôi GCNKĐ, Tem KĐ
B5	Thống kê, theo dõi và lưu hồ sơ	Nhân viên nghiệp vụ kiểm định	Giờ hành chính	Sổ theo dõi cấp phát Giấy chứng nhận và Tem kiểm định.
	<i>b) Kiểm định ngoài cơ sở đăng kiểm: trường hợp không đầy đủ thì hướng dẫn chủ xe hoàn thiện hồ sơ; đối với xe bị từ chối kiểm định, xe không thuộc đối tượng kiểm định, địa điểm kiểm định ngoài cơ sở đăng kiểm không đáp ứng quy định, lập thông báo gửi cho chủ xe; trường hợp hồ sơ đầy đủ, xe không bị từ chối kiểm định, xe thuộc đối tượng kiểm định ngoài cơ sở đăng kiểm, địa điểm kiểm định ngoài cơ sở đăng kiểm đáp ứng quy định, lập giấy hẹn lịch kiểm định gửi cho chủ xe; lập phiếu kiểm soát kiểm định; tiến hành kiểm tra, đánh giá xe theo lịch.</i>	Nhân viên nghiệp vụ kiểm định	03 ngày làm việc kể từ khi kết thúc kiểm tra	- Văn bản đề nghị kiểm định ngoài cơ sở đăng kiểm
B1	- Thông báo kết quả kiểm tra, đánh giá; - Giấy hẹn trả Giấy chứng nhận kiểm định;	Nhân viên nghiệp vụ kiểm định	Tối đa 02 ngày làm việc sau khi nhận hồ sơ	- Mẫu Đơn đề nghị theo mẫu; - Phiếu hồ sơ phương tiện (<i>Phụ lục II-TT47</i>);

B2	Toàn bộ hồ sơ được trình cho Giám đốc/ Phó Giám đốc trung tâm xem xét duyệt.	Giám đốc/ Phó giám đốc Trung tâm	Tối đa 0,5 ngày làm việc	Giấy chứng nhận kiểm định và tem kiểm định
B3	Sau khi được Giám đốc/Phó Giám đốc phê duyệt, nhân viên nghiệp vụ vào Sổ theo dõi cấp GCNKĐ, Tem kiểm định, phô tô hồ sơ lưu và hoàn thiện hồ sơ, lưu trữ hồ sơ.	Nhân viên nghiệp vụ kiểm định	Tối đa 2,5 giờ sau khi nhận hồ sơ	Giấy chứng nhận kiểm định và tem kiểm định
B4	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân và dán tem kiểm định lên phương tiện	Nhân viên nghiệp vụ kiểm định	Tối đa 1,5 giờ	Giấy chứng nhận kiểm định và tem kiểm định; Sổ theo dõi quản lý nhập, cấp phát phối GCNKĐ, Tem KĐ
B5	Thống kê, theo dõi và lưu hồ sơ	Nhân viên nghiệp vụ kiểm định	Giờ hành chính	Sổ theo dõi cấp phát Giấy chứng nhận và Tem kiểm định.
<i>- Trường hợp nhận hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc hệ thống trực tuyến:</i>				
	Trung tâm thực hiện như với trường hợp nhận trực tiếp nhưng trên hệ thống trực tuyến và gửi thông báo kết quả kiểm tra, đánh giá hồ sơ hoặc lịch hẹn đưa xe đến kiểm định cho chủ xe qua hệ thống bưu chính hoặc trên hệ thống trực tuyến..	Nhân viên nghiệp vụ kiểm định	Trong ngày làm việc (giờ hành chính)	- Mẫu Đơn đề nghị theo mẫu; - Phiếu hồ sơ phương tiện (<i>Phụ lục II- TT47</i>);

	- Trường hợp xe chưa có dữ liệu trong cơ sở dữ liệu của Cục Đăng kiểm Việt Nam thì cơ sở đăng kiểm lập bản xác nhận thông số kỹ thuật của xe để làm căn cứ lập hồ sơ phương tiện.			
	Sau khi thẩm tra hồ sơ xong, các trình tự làm như trường hợp Kiểm định tại cơ sở đăng kiểm	Nhân viên nghiệp vụ kiểm định	Trong ngày làm việc (giờ hành chính)	- Mẫu Đơn đề nghị theo mẫu; - Phiếu hồ sơ phương tiện (Phụ lục II-TT47);
B1	- Thông báo kết quả kiểm tra, đánh giá; - Giấy hẹn trả Giấy chứng nhận kiểm định;	Nhân viên nghiệp vụ kiểm định	Tối đa 01 giờ sau khi nhận hồ sơ	- Mẫu Đơn đề nghị theo mẫu; - Phiếu hồ sơ phương tiện (Phụ lục II-TT47);
B2	Toàn bộ hồ sơ được trình cho Giám đốc/ Phó Giám đốc trung tâm xem xét duyệt.	Giám đốc/ Phó giám đốc Trung tâm	Tối đa 0,5 ngày làm việc	Giấy chứng nhận kiểm định và tem kiểm định
B3	Sau khi được Giám đốc/Phó Giám đốc phê duyệt, nhân viên nghiệp vụ vào Sổ theo dõi cấp GCNKĐ, Tem kiểm định, phôi hồ sơ lưu và hoàn thiện hồ sơ, lưu trữ hồ sơ.	Nhân viên nghiệp vụ kiểm định	Tối đa 02 giờ sau khi nhận hồ sơ	Giấy chứng nhận kiểm định và tem kiểm định

B4	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân và dán tem kiểm định lên phương tiện	Nhân viên nghiệp vụ kiểm định	Tối đa 01 giờ	Giấy chứng nhận kiểm định và tem kiểm định; Sổ theo dõi quản lý nhập, cấp phát phôi GCNKĐ, Tem KĐ
B5	Thống kê, theo dõi và lưu hồ sơ	Nhân viên nghiệp vụ kiểm định	Giờ hành chính	Sổ theo dõi cấp phát Giấy chứng nhận và Tem kiểm định.
4	BIỂU MẪU			
	- Mẫu Văn bản đề nghị kiểm định ngoài cơ sở đăng kiểm; - Mẫu Thông báo kết quả kiểm tra, đánh giá; - Mẫu Giấy hẹn trả Giấy chứng nhận kiểm định; - Mẫu Giấy chứng nhận và Tem kiểm định			

MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ KIỂM ĐỊNH NGOÀI CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****ĐỀ NGHỊ KIỂM ĐỊNH NGOÀI CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM**

Kính gửi: Cơ sở đăng kiểm (mã số)

Căn cứ Thông tư số 47/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

Người đề nghị: Địa chỉ:

Điện thoại:; Email:.....

Đề nghị cơ sở đăng kiểm (mã số) đến kiểm định cho các phương tiện được liệt kê ở bảng sau:

STT	Biển số	Số khung	Số máy	Ngày hết hạn kiểm định
1	29C-12345			
2				

Đường kiểm tra phanh⁽¹⁾:

Thời gian kiểm định:

Địa điểm kiểm định:

....., ngày... tháng... năm

Người đề nghị

(ký và ghi rõ họ tên)

(1) Người đề nghị mô tả thông tin về đường kiểm tra phanh gồm: chiều dài, chiều rộng, loại mặt đường.

MẪU THÔNG BÁO KẾT QUẢ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM (MÃ SỐ) CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

THÔNG BÁO KẾT QUẢ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

Về nội dung: ☐ Tiếp nhận hồ sơ ☐ Kiểm tra, đánh giá hồ sơ
☐ Kiểm tra, đánh giá xe ☐ Kiểm định xe

Kính gửi chủ xe:

I. Thông tin về hồ sơ/phương tiện⁽¹⁾:.....
.....**II. Nội dung đề nghị bổ sung, khắc phục/Nội dung không đạt⁽²⁾:**.....
.....**III. Thông tin khác: ⁽³⁾:**.....
.....**IV. Kết quả kiểm tra, đánh giá: ☐ Đạt yêu cầu ☐ Không đạt yêu cầu**

1. Thời gian trả kết quả kiểm tra, đánh giá hồ sơ:.....

2. Thời gian, địa điểm kiểm tra, đánh giá xe cải tạo:.....

.....

Cơ sở đăng kiểm thông báo để chủ xe.....được
biết và phối hợp thực hiện.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu ...

....., ngày tháng ... năm ...

Đại diện cơ sở đăng kiểm
(ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi:

(1) Ghi biển số hoặc số khung trong trường hợp kiểm định; ghi ký hiệu thiết kế trong trường hợp cải tạo;

(2) Ghi rõ nội dung, hạng mục kiểm định hoặc kiểm tra, đánh giá hồ sơ không đạt;

(3) Ghi trường hợp xe bị từ chối kiểm định, xe đã được miễn kiểm định lần đầu, điều kiện đường thử phanh không đáp ứng.

**MẪU GIẤY HẸN TRẢ GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH (DÙNG CHO XE
CHỈ CÓ GIẤY HẸN CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ XE)**

CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM (MÃ SỐ) CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

GIẤY HẸN TRẢ GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH

Biển số:

Chiếc xe có biển số nêu trên đã được cấp miễn kiểm định lần đầu ☐

Chiếc xe có biển số nêu trên đã được kiểm định và đáp ứng quy định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường ☐

Thông tin cơ bản của xe như sau:

- Khối lượng bản thân: (kg)
- Khối lượng hàng chuyên chở cho phép lớn nhất: (kg)
- Khối lượng kéo theo cho phép lớn nhất: (kg)
- Khối lượng toàn bộ cho phép lớn nhất: (kg)
- Số người cho phép chở: chỗ ngồi: chỗ đứng: chỗ nằm:

Ngay sau khi có giấy tờ về đăng ký xe (trừ giấy hẹn cấp chứng nhận đăng ký) thì chủ xe mang tới cơ sở đăng kiểm địa chỉ để nhận Giấy chứng nhận kiểm định.

....., ngàytháng... năm...

Đại diện cơ sở đăng kiểm
(ký tên, đóng dấu)

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH, TEM KIỂM ĐỊNH

Mẫu số 03. Giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định màu tím hồng dùng cho xe máy chuyên dùng

1. Mẫu Giấy chứng nhận

CHỦ XE, LÁI XE CẦN BIẾT <i>Vehicle owners, drivers should be aware of the followings.</i> 1. Khi tham gia giao thông phải mang theo Chứng nhận kiểm định. Nộp lại Chứng nhận kiểm định và Tem kiểm định khi có thông báo thu hồi của các Cơ sở đăng kiểm. <i>Vehicle operators must carry the inspection certificate while in traffic. Return the inspection certificate and inspection sticker when receiving a withdrawal notice from the Inspection Centers.</i> 2. Không sử dụng Chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định bị sửa chữa, tẩy xóa nội dung và làm giả. <i>Do not use inspection certificates or inspection stickers that have been altered, erased, or forged.</i> 3. Phải bảo dưỡng, sửa chữa để bảo đảm duy trì tình trạng kỹ thuật của phương tiện, chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật đối với hành vi đưa phương tiện không bảo đảm an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường tham gia giao thông đường bộ. <i>Perform maintenance and repairs to maintain the vehicle's technical condition; legally liable for operating a vehicle that fails to meet technical safety and environmental protection requirements to participate in road traffic.</i> 4. Không cải tạo trái phép; có ý can thiệp làm sai lệch chỉ số trên đồng hồ báo quãng đường đã chạy, đồng hồ báo thời gian đã làm việc; cắt, hàn, tẩy xóa, đục sửa, đóng lại trái phép số khung, số động cơ. <i>Do not conduct unauthorized vehicle modifications; intentionally alter the odometer, hour meter gauge; or illegally cut, weld, erase, tamper with, or re-stamp the chassis number or engine number.</i> 5. Không tự ý can thiệp, thay đổi phần mềm điều khiển của xe, động cơ của xe đã được đăng ký với cơ quan quản lý nhằm mục đích gian lận kết quả kiểm định. Không thuê, mượn phụ tùng chỉ để thực hiện việc kiểm định. <i>Do not independently interfere with or alter the vehicle's control software or engine registered with regulatory authorities to manipulate inspection results; do not rent or borrow parts solely for inspection purposes.</i> 6. Chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định không còn hiệu lực khi xe bị tai nạn giao thông đến mức không đảm bảo an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường. <i>The inspection certificate and inspection sticker are no longer valid if the vehicle is involved in a traffic accident to the extent that it no longer meets technical safety and environmental protection requirements.</i>	 BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI CỤC ĐĂNG KÝ VIỆT NAM MOT – Vietnam Register No: AA CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG XE MÁY CHUYÊN DỤNG PERIODICAL INSPECTION CERTIFICATE OF TRANSPORT CONSTRUCTION MACHINERY - TCM FOR COMPLIANCE WITH TECHNICAL SAFETY AND ENVIRONMENTAL PROTECTION REQUIREMENTS Biển đăng ký: Số quản lý phương tiện: <i>(Registration plate) (Vehicle inspection No)</i> Loại XMCD (TCM's type): Nhãn hiệu, tên thương mại: <i>(Trademark, Commercial name)</i> Mã kiểu loại (Model code): Số động cơ (Engine No): Số khung (Chassis No): Năm / Nước sản xuất: <i>(Production year / Country)</i> Có cải tạo (Modification): ☐
1. THÔNG SỐ KỸ THUẬT CƠ BẢN (Major technical specifications) Khối lượng bản thân (Kerb mass): (kg) Khối lượng toàn bộ (Gross mass): (kg) Kích thước bao (Overall Dimensions): (mm) Loại động cơ đốt trong (Engine type): - Ký hiệu: Thể tích làm việc: (cm³) <i>(Engine model) (Engine displacement)</i> - Công suất lớn nhất/tốc độ quay (Max output/rpm): (kW/rpm) - Loại nhiên liệu (Fuel): - Loại động cơ điện (Motor type): - Số lượng, ký hiệu động cơ điện: <i>(Number of motors, motor model)</i> - Điện áp/ Tổng công suất của động cơ điện: (V/kW) <i>(Voltage/ Total rated power of motor)</i> - Loại ắc quy/điện áp-định lượng: (V-Ah) <i>(Type of battery/voltage-capacity)</i> Vận tốc di chuyển lớn nhất (Max. travelling speed): (km/h) 2. THÔNG SỐ KỸ THUẬT ĐẶC TRƯNG (Special technical specifications)⁽¹⁾ Ng: (số seri)	Ngày / Địa điểm kiểm định: <i>(Inspection Date / Site)</i> Số biên bản kiểm định: <i>(Inspection Report No)</i> ngày tháng năm <i>(Issued on: Day/Month/Year)</i> CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM <i>(INSPECTION CENTER)</i> Có hiệu lực đến hết ngày: <i>(Valid until):</i> Vị trí in ảnh tổng thể xe máy chuyên dùng <i>(Kích thước 80 mm x 60 mm), đối với xe miễn kiểm định lần đầu ghi rõ:</i> <i>"Xe thuộc đối tượng miễn kiểm định lần đầu"</i> <i>(Image Position of TCM)</i> PT không được cấp Tem kiểm định <i>(Vehicle not issued with inspection stamp)</i> ☐ Ghi chú (Notes): (2) xxxxxxxx (3)

Chú thích:

(1): Được ghi nhận theo từng loại xe máy chuyên dùng theo quy định tại Thông tư quy định về trình tự, thủ tục chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng xe cơ giới trong nhập khẩu;

(2): Ghi chú các nội dung có trên giấy chứng nhận hoặc dữ liệu cấp cho xe máy chuyên dùng trong sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu; ghi chú khác (nếu có);

(3): Dãy số được in tự động từ phần mềm quản lý kiểm định.

2. Tem kiểm định



Chú thích:

- (1): In thời hạn tháng/năm hết hiệu lực;
- (2): In biển số xe được cấp tem kiểm định;
- (3): In thời hạn ngày/tháng/năm hết hiệu lực

7. Quy trình Cấp Chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo (QT-11)

1	Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thực hiện thủ tục Cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo.
2	Phạm vi: - Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân (chủ xe) mang giấy tờ xe nộp hồ sơ bằng hình thức trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hệ thống trực tuyến. - Cán bộ, viên chức Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hà Nội thuộc Sở GTVT Hà Nội. - Cán bộ viên chức tại Bộ phận một cửa của Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hà Nội. - Khuyến khích các Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới ngoài công lập áp dụng Quy trình này trong giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân.
3	Nội dung quy trình: - Xe cơ giới, xe máy chuyên dùng đã được cấp chứng nhận đăng ký xe, biển số xe hoặc xe đã qua sử dụng được nhập khẩu có sự thay đổi đặc điểm dẫn đến thay đổi về kiểu loại xe theo quy định về sản phẩm cùng kiểu loại của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải phải thực hiện thủ tục chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo (sau đây viết tắt là chứng nhận cải tạo). - Khối lượng toàn bộ cho phép lớn nhất của xe cải tạo không vượt quá giá trị khối lượng toàn bộ theo thiết kế của nhà sản xuất xe (khối lượng toàn bộ của xe trước cải tạo), giá trị phân bố của khối lượng toàn bộ cho phép lớn nhất lên các trục không vượt quá tải trọng trục lớn nhất của nhà sản xuất và quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải. - Trường hợp cải tạo động cơ thì động cơ cải tạo phải có giá trị công suất lớn nhất theo công bố của nhà sản xuất động cơ nằm trong khoảng từ 90% đến 120% so với giá trị công suất lớn nhất của động cơ theo thiết kế của nhà sản xuất xe.

	- Các trường hợp cải tạo xe cơ giới phải được thiết kế và thi công bởi nhà sản xuất xe hoặc đại diện ủy quyền hợp pháp của nhà sản xuất gồm: + Cải tạo thay đổi kích cỡ lốp, số trục và vết bánh xe của xe cơ giới; + Cải tạo thay đổi khoảng cách giữa các trục của xe cơ giới; + Cải tạo thay thế khung xe; cải tạo nối dầm sát xi; + Cải tạo các hệ thống phanh, hệ thống treo và hệ thống lái của xe cơ giới (trừ trường hợp: cải tạo lắp đặt hoặc tháo bỏ bàn đạp phanh phụ trên xe tập lái, xe sát hạch lái xe; cải tạo để cung cấp năng lượng và điều khiển hệ thống phanh của rơ moóc, sơ mi rơ moóc; cải tạo các cơ cấu điều khiển và ghế ngồi phù hợp với chức năng vận động của người khuyết tật điều khiển xe). - Xe cải tạo phải lập hồ sơ thiết kế, trừ các trường hợp không phải lập hồ sơ thiết kế cải tạo sau đây: + Xe được lắp đặt, thay thế hoặc tháo bỏ bàn đạp phanh phụ bằng cách liên kết với bàn đạp phanh chính thông qua một thanh đòn dẫn động cơ khí của ô tô; + Xe ô tô PICKUP được lắp đặt hoặc thay thế, tháo bỏ nắp che khoang chở hàng, hành lý làm thay đổi kích thước lòng thùng hàng vượt quá sai số cho phép theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sai số cho phép và làm tròn số nhưng không làm thay đổi kích thước bao của xe; + Xe được tháo bỏ hệ thống cung cấp nhiên liệu sử dụng khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) hoặc khí thiên nhiên nén (CNG) cho động cơ của xe đối với xe cơ giới đã cải tạo lắp đặt thêm hệ thống cung cấp nhiên liệu (LPG, CNG) trở về chỉ sử dụng hệ thống cung cấp nhiên liệu của ô tô trước khi cải tạo hệ thống cung cấp nhiên liệu; + Xe được lắp, thay thế hoặc tháo bỏ giá nóc của ô tô con tuân thủ hướng dẫn của nhà sản xuất mà không làm thay đổi chiều rộng toàn bộ của xe; + Xe được lắp, thay thế hoặc tháo bỏ bơm, thùng dầu và hệ thống đường ống thủy lực của ô tô đầu kéo để dẫn động cho hệ thống nâng hạ thùng hàng của sơ mi rơ moóc tải tự đổ; + Xe được thay đổi số lượng, vị trí, kết cấu cửa xếp dỡ hàng hóa của thùng hàng hoặc vật liệu bọc, lót thùng hàng của ô tô, rơ moóc, sơ mi rơ moóc vượt quá sai số cho phép theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sai số cho phép và làm tròn số nhưng không làm thay đổi kích thước bao của xe; + Xe được lắp thêm hoặc tháo bỏ hoặc thay thế thiết bị nâng hạ hàng hóa của thùng hàng của xe ô tô đã có giấy chứng nhận kiểm định an toàn của cơ quan có thẩm quyền;
--	---

	+ Xe được lắp, thay thế hoặc tháo bỏ mui gió trên nóc ca bin ô tô đầu kéo; + Xe có thay đổi về khối lượng bản thân, khối lượng hàng chuyên chở khác với chứng nhận đăng ký xe nhưng có các thông số kỹ thuật và hình ảnh phù hợp với giấy chứng nhận kiểm định được cấp ở lần gần nhất.
3.1	Cơ sở pháp lý:
	- Thông tư số 47/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định trình tự, thủ tục kiểm định, miễn kiểm định lần đầu cho xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; trình tự, thủ tục chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo; trình tự, thủ tục kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy; - Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn; - Thông tư số 36/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn; - Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới; - Thông tư số 55/2022/TT-BTC ngày 24 tháng 8 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới; - Quyết định số 1504/QĐ-BGTVT ngày 09/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ trong lĩnh vực đăng kiểm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải; - Quyết định số 60/QĐ-TTPVHCC ngày 23/01/2025 của Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công Thành phố về việc công bố danh mục TTHC mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ lĩnh vực đăng kiểm thuộc chức năng quản lý nhà nước của Sở Giao thông vận tải thành phố Hà Nội.

3.2	Thành phần hồ sơ		
	1. Hồ sơ đề nghị chứng nhận xe cơ giới cải tạo (trừ xe mô tô, xe gắn máy)		
	Thành phần hồ sơ :	Bản chính	Bản sao
	- Giấy tờ phải nộp		
	+ Văn bản đề nghị chứng nhận cải tạo theo mẫu	x	
	+ Hồ sơ thiết kế cải tạo;	x	
	+ Ảnh chụp tại xưởng của cơ sở cải tạo gồm: 01 ảnh chụp tổng thể được chụp chéo góc khoảng 45 độ phía trước, 01 ảnh chụp chéo góc khoảng 45 độ phía sau góc đối diện của xe cải tạo; ảnh chụp chi tiết các hệ thống, tổng thành của xe cải tạo; ảnh chụp kết cấu khung xương ở trạng thái chưa bọc vật liệu phủ của xe cơ giới đối với các trường hợp: cải tạo toàn bộ buồng lái, thân xe, khoang chở khách của xe chở người, cải tạo lắp mới thùng xe tải thành xe tải thùng kín (có hai mặt của vách thùng xe được bọc kín), xe tải bảo ôn, xe tải đông lạnh;	x	
	+ Biên bản kiểm tra, đánh giá xuất xưởng xe cải tạo (bản chính hoặc bản điện tử) của cơ sở cải tạo xe theo mẫu	x	
	+ Bảng kê các hệ thống, tổng thành thay thế của xe cải tạo theo mẫu;	x	
	+ Các tài liệu thông số, tính năng kỹ thuật của xe cơ giới trước cải tạo và các tổng thành, hệ thống cải tạo và tài liệu xác nhận nguồn gốc của các hệ thống, tổng thành của xe sử dụng để cải tạo	x	
	+ Văn bản chấp thuận sử dụng chung hồ sơ thiết kế xe cơ giới của cơ sở thiết kế theo mẫu đối với trường hợp xe cơ giới cải tạo được sử dụng chung hồ sơ thiết kế;	x	

+ Bản chính phiếu cân khối lượng bản thân và phân bố khối lượng bản thân lên các trục của xe sau cải tạo được thực hiện bởi tổ chức đáp ứng quy định về pháp luật đo lường (trừ các trường hợp: Xe được lắp đặt, thay thế hoặc tháo bỏ bàn đạp phanh phụ bằng cách liên kết với bàn đạp phanh chính thông qua một thanh đòn dẫn động cơ khí của ô tô; Xe được lắp, thay thế hoặc tháo bỏ giá nóc của ô tô con tuân thủ hướng dẫn của nhà sản xuất mà không làm thay đổi chiều rộng toàn bộ của xe);	x	
+ Giấy ủy quyền của chủ sở hữu xe theo quy định của pháp luật đối với trường hợp người đi làm thủ tục chứng nhận cải tạo không phải là chủ sở hữu;	x	
+ Các giấy tờ: Hồ sơ thiết kế cải tạo; Ảnh chụp tại xưởng của cơ sở cải tạo; Biên bản kiểm tra, đánh giá xuất xưởng xe cải tạo; Bảng kê các hệ thống, tổng thành thay thế của xe cải tạo; Các tài liệu thông số, tính năng kỹ thuật của xe cơ giới trước cải tạo và các tổng thành, hệ thống cải tạo và tài liệu xác nhận nguồn gốc của các hệ thống, tổng thành của xe sử dụng để cải tạo; Văn bản chấp thuận sử dụng chung hồ sơ thiết kế xe cơ giới của cơ sở thiết kế không áp dụng đối với trường hợp xe cải tạo không phải lập hồ sơ thiết kế cải tạo.	x	
- Giấy tờ phải xuất trình		
+ Giấy tờ về đăng ký xe gồm một trong các giấy tờ sau: bản chính chứng nhận đăng ký xe; bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính chứng nhận đăng ký xe; bản chính giấy hẹn cấp chứng nhận đăng ký xe	x	x
+ Giấy chứng nhận kết quả kiểm định còn hiệu lực (bản sao hoặc bản điện tử) đối với thiết bị nâng hàng có sức nâng theo thiết kế từ 1.000 (kg) trở lên, thiết bị nâng người có chiều cao nâng lớn nhất lớn hơn 2,0 (m) xi téc chở khí hóa lỏng, khí dầu mỏ hóa lỏng, khí thiên nhiên nén hoặc các chất lỏng có áp suất làm việc cao hơn 0,7	x	

(bar) hoặc chất lỏng hay chất rắn dạng bột không có áp suất nhưng khi tháo ra dùng khí có áp suất cao hơn 0,7 (bar) theo quy định tại Nghị định số 44/2016/NĐ-CP.		
2. Hồ sơ đề nghị chứng nhận Xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy) có: khối lượng bản thân; kết cấu, kích thước thùng hàng; kích thước bao của xe khác với giấy chứng nhận kiểm định lần gần nhất trước ngày 01/01/2025.		
- Giấy tờ phải nộp		
+ Văn bản đề nghị chứng nhận cải tạo theo mẫu;	x	
+ Hồ sơ thiết kế cải tạo;	x	
+ Văn bản chấp thuận sử dụng chung hồ sơ thiết kế xe cơ giới của cơ sở thiết kế theo mẫu đối với trường hợp xe cơ giới cải tạo được sử dụng chung hồ sơ thiết kế;	x	
+ Bản chính phiếu cân khối lượng bản thân và phân bố khối lượng bản thân lên các trục của xe sau cải tạo được thực hiện bởi tổ chức đáp ứng quy định về pháp luật đo lường (trừ các trường hợp: Xe được lắp đặt, thay thế hoặc tháo bỏ bàn đạp phanh phụ bằng cách liên kết với bàn đạp phanh chính thông qua một thanh đòn dẫn động cơ khí của ô tô; Xe được lắp, thay thế hoặc tháo bỏ giá nóc của ô tô con tuân thủ hướng dẫn của nhà sản xuất mà không làm thay đổi chiều rộng toàn bộ của xe);	x	
+ Giấy ủy quyền của chủ sở hữu xe theo quy định của pháp luật đối với trường hợp người đi làm thủ tục chứng nhận cải tạo không phải là chủ sở hữu.	x	
- Giấy tờ phải xuất trình		
+ Giấy tờ về đăng ký xe gồm một trong các giấy tờ sau: bản chính chứng nhận đăng ký xe; bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính chứng nhận đăng ký xe; bản chính giấy hẹn cấp chứng nhận đăng ký xe.	x	x

+ Giấy chứng nhận kết quả kiểm định còn hiệu lực (bản sao hoặc bản điện tử) đối với thiết bị nâng hàng có sức nâng theo thiết kế từ 1.000 (kg) trở lên, thiết bị nâng người có chiều cao nâng lớn nhất lớn hơn 2,0 (m) xi téc chở khí hóa lỏng, khí dầu mỏ hóa lỏng, khí thiên nhiên nén hoặc các chất lỏng có áp suất làm việc cao hơn 0,7 (bar) hoặc chất lỏng hay chất rắn dạng bột không có áp suất nhưng khi tháo ra dùng khí có áp suất cao hơn 0,7 (bar) theo quy định tại Nghị định số 44/2016/NĐ-CP.	X	X
3. Hồ sơ đề nghị chứng nhận xe máy chuyên dùng cải tạo; xe mô tô, xe gắn máy cải tạo.		
- Giấy tờ phải nộp		
+ Văn bản đề nghị chứng nhận cải tạo theo mẫu;	X	
+ Hồ sơ thiết kế cải tạo;	X	
+ Ảnh chụp tại xưởng của cơ sở cải tạo gồm: 01 ảnh chụp tổng thể được chụp chéo góc khoảng 45 độ phía trước, 01 ảnh chụp chéo góc khoảng 45 độ phía sau góc đối diện của xe cải tạo; ảnh chụp chi tiết các hệ thống, tổng thành của xe cải tạo;		
+ Biên bản kiểm tra, đánh giá xuất xưởng xe cải tạo (bản chính hoặc bản điện tử) của cơ sở cải tạo xe theo mẫu;	X	X
+ Bảng kê các hệ thống, tổng thành của xe cải tạo theo mẫu;	X	
+ Các tài liệu thông số, tính năng kỹ thuật của xe trước cải tạo và các tổng thành, hệ thống cải tạo; tài liệu xác nhận nguồn gốc của các hệ thống, tổng thành của xe sử dụng để cải tạo;	X	

	+ Bản chính phiếu cân khối lượng bản thân và phân bố khối lượng bản thân lên các trục (không áp dụng với xe máy chuyên dùng) của xe sau cải tạo được thực hiện bởi tổ chức đáp ứng quy định về pháp luật đo lường;	x	
	+ Giấy ủy quyền của chủ sở hữu xe theo quy định của pháp luật đối với trường hợp người đi làm thủ tục chứng nhận xe cải tạo không phải là chủ sở hữu.	x	
	- Giấy tờ phải xuất trình		
	+ Giấy tờ về đăng ký xe gồm một trong các giấy tờ sau: bản chính chứng nhận đăng ký xe; bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính chứng nhận đăng ký xe; bản chính giấy hẹn cấp chứng nhận đăng ký xe;	x	x
	+ Giấy chứng nhận kết quả kiểm định còn hiệu lực (bản sao hoặc bản điện tử) đối với thiết bị nâng hàng có sức nâng theo thiết kế từ 1.000kg trở lên, thiết bị nâng người có chiều cao nâng lớn nhất lớn hơn 2,0 (m) xi téc chở khí hóa lỏng, khí dầu mỏ hóa lỏng, khí thiên nhiên nén hoặc các chất lỏng có áp suất làm việc cao hơn 0,7 (bar) hoặc chất lỏng hay chất rắn dạng bột không có áp suất nhưng khi tháo ra dùng khí có áp suất cao hơn 0,7 (bar) theo quy định tại Nghị định số 44/2016/NĐ-CP.	x	x
3.3	Số lượng hồ sơ: 01 bộ		
3.4	Thời gian xử lý: - Kiểm tra, đánh giá hồ sơ thiết kế cải tạo (trường hợp phải lập hồ sơ thiết kế): 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ (hồ sơ đầy đủ theo quy định); - Cấp Giấy chứng nhận:		

	+ Trường hợp xe phải lập hồ sơ thiết kế: 05 ngày kể từ ngày thông báo kiểm tra; đánh giá xe thực tế và kết quả kiểm tra, đánh giá thực tế xe đạt yêu cầu. + Trường hợp không phải lập hồ sơ thiết kế: ngay trong ngày nhận đủ hồ sơ và kết quả kiểm tra, đánh giá thực tế xe đạt yêu cầu.			
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả			
	- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hà Nội: + Trung tâm Đăng kiểm 3301S: Km 15 Quốc lộ 6 - P. Yên Nghĩa - Q. Hà Đông - TP. Hà Nội. + Trung tâm Đăng kiểm 3302S: P. Quang Trung - TX. Sơn Tây - TP. Hà Nội.			
3.6	Phí, lệ phí:			
	- Lệ phí cấp giấy chứng nhận: 40.000 đồng/01 Giấy chứng nhận, riêng đối với ô tô dưới 10 chỗ ngồi (không bao gồm xe cứu thương): 90.000 đồng/01 Giấy chứng nhận. - Giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới theo Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11/12/2016 và Thông tư số 55/2022/TT-BTC ngày 24/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
1. Trường hợp xe phải lập hồ sơ thiết kế: 05 ngày kể từ ngày thông báo kiểm tra, đánh giá xe thực tế và kết quả kiểm tra, đánh giá thực tế xe đạt yêu cầu				
B1	+ Phiếu hồ sơ phương tiện + Thu phí, lệ phí cải tạo	Nhân viên nghiệp vụ kiểm định	Tối đa 1 giờ sau khi nhận hồ sơ	- Mẫu Đơn đề nghị theo mẫu;

				- Phiếu hồ sơ phương tiện (Phụ lục II-TT47);
B2	Bàn giao hồ sơ: + Hồ sơ bản cứng	- Nhân viên nghiệp vụ kiểm định - Đăng kiểm viên	Tối đa 01 giờ	
B3	Kiểm tra hồ sơ + Trường hợp nội dung hồ sơ thiết kế cải tạo đáp ứng theo quy định và nội dung thiết kế phù hợp các quy chuẩn về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng xe cơ giới, cơ sở đăng kiểm lập thông báo gửi cho chủ xe thông tin về thời gian và địa điểm kiểm tra, đánh giá thực tế xe cải tạo; + Trường hợp nội dung hồ sơ thiết kế cải tạo không đủ nội dung theo quy định, hoặc có nội dung không phù hợp với các quy chuẩn về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng xe cơ giới, cơ sở đăng kiểm lập thông báo gửi cho chủ xe ghi rõ nội dung cần bổ sung, sửa đổi. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thông báo, chủ xe có trách nhiệm bổ sung,	- Đăng kiểm viên	Tối đa 04 ngày làm việc (trong giờ hành chính) kể từ ngày thông báo kiểm tra, đánh giá xe thực tế và kết quả kiểm tra, đánh giá thực tế xe đạt yêu cầu)	

	hoàn thiện hồ sơ thiết kế cải tạo; khi nhận được hồ sơ thiết kế bổ sung, sửa đổi, cơ sở đăng kiểm thực hiện kiểm tra, đánh giá hồ sơ thiết kế cải tạo theo quy định tại điểm a khoản này; quá thời hạn trên, thủ tục chứng nhận được thực hiện lại từ đầu.			
B4	Toàn bộ hồ sơ được trình cho Lãnh đạo trung tâm xem xét phê duyệt.	Giám đốc/Phó giám đốc Trung tâm	Tối đa 0,5 ngày làm việc sau khi kiểm tra	
B5	Sau khi được Lãnh đạo phê duyệt, nhân viên nghiệp vụ vào Sổ theo dõi cấp phát Giấy chứng nhận cải tạo, phô tô hồ sơ lưu và hoàn thiện hồ sơ, lưu trữ hồ sơ.	Nhân viên nghiệp vụ kiểm định	Tối đa 01 giờ	
B6	Trả Giấy chứng nhận cải tạo cho tổ chức, cá nhân	Nhân viên nghiệp vụ kiểm định	Tối đa 01 giờ	Giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định
B7	Thống kê, theo dõi và lưu hồ sơ	Nhân viên nghiệp vụ kiểm định	Giờ hành chính	Sổ theo dõi Giấy chứng nhận cải tạo, Giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định.

2. Trường hợp không phải lập hồ sơ thiết kế: ngay trong ngày nhận đủ hồ sơ và kết quả kiểm tra, đánh giá thực tế xe đạt yêu cầu.

B1	+ Phiếu hồ sơ phương tiện + Thu phí, lệ phí cải tạo	Nhân viên nghịệp vụ kiểm định	Tối đa 1 giờ sau khi nhận hồ sơ	- Mẫu Đơn đề nghị theo mẫu; - Phiếu hồ sơ phương tiện (Phụ lục II- TT47);
B2	Bàn giao hồ sơ: + Hồ sơ bản cứng	- Nhân viên nghịệp vụ kiểm định - Đăng kiểm viên	Tối đa 0,5 giờ	
B3	Kiểm tra hồ sơ - Kiểm tra sự phù hợp về trách nhiệm thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo. - Kiểm tra nội dung cải tạo xe cơ giới và đối chiếu với các quy định cải tạo xe cơ giới theo quy định. - Kiểm tra sự đầy đủ và tính hợp lệ của hồ sơ nghịệp thu xe cơ giới cải tạo theo quy định. - Kiểm tra và đối chiếu thông số kỹ thuật xe cơ giới cải tạo với cơ sở dữ liệu của Chương trình Quản lý kiểm định. - Kiểm tra các giấy tờ theo yêu cầu của Cơ quan thẩm định thiết kế và các giấy tờ khác như: Giấy chứng nhận	- Đăng kiểm viên	Tối đa 0,5 ngày sau khi nhận hồ sơ	

	đôi với các thiết bị đặc biệt, thiết bị chuyên dùng theo quy định; Giấy tờ nguồn gốc của động cơ; xuất xứ của vật tư, phụ tùng, vật liệu sử dụng trong cải tạo.			
B4	Toàn bộ hồ sơ được trình cho Lãnh đạo trung tâm xem xét phê duyệt.	Giám đốc/ Phó giám đốc Trung tâm	Tối đa 1,5 giờ sau khi kiểm tra	
B5	Sau khi được Lãnh đạo phê duyệt, nhân viên nghiệp vụ vào Sổ theo dõi cấp phát Giấy chứng nhận cải tạo, phô tô hồ sơ lưu và hoàn thiện hồ sơ, lưu trữ hồ sơ.	Nhân viên nghiệp vụ kiểm định	Tối đa 0,5 giờ	
B6	Trả Giấy chứng nhận cải tạo cho tổ chức, cá nhân	Nhân viên nghiệp vụ kiểm định	Tối đa 0,5 giờ	Giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định; cấp phát phôi GCNKĐ, Tem KĐ
B7	Thống kê, theo dõi và lưu hồ sơ	Nhân viên nghiệp vụ kiểm định	Giờ hành chính	Sổ theo dõi cấp phát Giấy chứng nhận và Tem kiểm định.
4	BIỂU MẪU			
	- Mẫu Văn bản đề nghị chứng nhận cải tạo; - Mẫu Bảng kê các hệ thống, tổng thành thay thế của xe cải tạo; - Mẫu Giấy chứng nhận cải tạo; - Mẫu Giấy chứng nhận và Tem kiểm định			

MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CHỨNG NHẬN XE CẢI TẠO**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày.... tháng..... năm

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CHỨNG NHẬN XE CẢI TẠO

- ☐ Xe cơ giới ☐ Xe máy chuyên dùng ☐ Xe mô tô, xe gắn máy
☐ Lăn đầu ☐ Kiểm tra, đánh giá lại xe ☐ Kiểm tra, đánh giá lại hồ sơ

Kính gửi: Cơ sở đăng kiểm (mã số)

(Chủ xe):

Địa chỉ:

Đề nghị cơ sở đăng kiểm chứng nhận xe cải tạo như sau:

1. Đặc điểm xe trước cải tạo:

- Biển số đăng ký (nếu đã được cấp):

- Số khung:

- Số động cơ:

- Nhãn hiệu - số loại:

2. Căn cứ đề nghị kiểm tra, đánh giá:

- Hồ sơ thiết kế có ký hiệu của cơ sở thiết kế

- Biên bản kiểm tra, đánh giá xuất xưởng xe cải tạo số..... ngày /.../....của cơ sở cải tạo.....

3. Nội dung thi công cải tạo:

(Ghi tóm tắt đầy đủ các nội dung thiết kế cải tạo thay đổi của xe)

(Chủ xe) xin cam kết và chịu trách nhiệm về chiếc xe có thông tin tại Mục 1 nêu trên đã được thi công cải tạo đúng với thiết kế và đạt yêu cầu.

Chủ xe

(Ký, ghi rõ họ tên)

Hướng dẫn ghi:

Trường hợp miễn thiết kế, tại mục 2, chủ phương tiện khai báo phương tiện thuộc đối tượng miễn lập hồ sơ thiết kế xe cơ giới cải tạo và cam kết chịu trách nhiệm về phương tiện đã được thi công đảm bảo đúng quy định và đạt yêu cầu.

MẪU BẢNG KÊ CÁC HỆ THỐNG, TỔNG THÀNH THAY THẾ
(CƠ SỞ CẢI TẠO) **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày thángnăm

BẢNG KÊ CÁC HỆ THỐNG, TỔNG THÀNH THAY THẾ

Kính gửi:

Biển số đăng ký:

Nhãn hiệu/Tên thương mại:

Số khung:

Ký hiệu thiết kế:

Mã kiểu loại:

Số động cơ:

TT	Tổng thành, hệ thống	Nguồn gốc			Nơi sản xuất ⁽²⁾	Số giấy chứng nhận ⁽³⁾	Ghi chú
		Nhập khẩu	Tự sản xuất	Mua trong nước ⁽¹⁾			
1. Động cơ							
1.1	...						
2. Hệ thống lái							
3. Hệ thống phanh							
3.1	Bình khí nén						
3.2	...						

4. Hệ thống điện, đèn chiếu sáng và tín hiệu							
4.1	Đèn chiếu sáng phía trước						
4.2							
.....							

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu.

....., ngày tháng năm

Cơ sở cải tạo

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Hướng dẫn ghi:

- (1) Đối với trường hợp sử dụng lại động cơ của xe đã qua sử dụng thì ghi rõ biển số/số khung của xe tháo động cơ để sử dụng.
- (2) Phụ tùng nhập khẩu ghi nước sản xuất; phụ tùng mua trong nước ghi rõ tên và địa chỉ cơ sở sản xuất.
- (3) Áp dụng với chi tiết, hệ thống, tổng thành phải có giấy chứng nhận.

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN CẢI TẠO**Mẫu số 01. Mẫu giấy chứng nhận cải tạo xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy)****CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM (MÃ SỐ) CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:(1).....

**GIẤY CHỨNG NHẬN AN TOÀN KỸ THUẬT
VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG XE CƠ GIỚI CẢI TẠO**

Biển số đăng ký:.....

Nhãn hiệu/số loại:.....

Số khung:.....

Số động cơ:.....

Nước/năm sản xuất:.....

Chủ xe:.....

Địa chỉ chủ xe:.....

Cơ sở thiết kế:.....

Ký hiệu thiết kế:.....

Cơ sở cải tạo:.....

Biên bản kiểm tra, đánh giá xuất xưởng xe cải tạo số: ngày .../.../.....
Biên bản kiểm tra, đánh giá ATKT & BVMT xe cải tạo số:

ngày .../.../.....

NỘI DUNG CẢI TẠO.....
.....
.....**CÁC THÔNG SỐ KỸ THUẬT (2)**

STT	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Xe cơ giới trước cải tạo	Xe cơ giới sau cải tạo
1	Loại phương tiện	---		
2	Xe sử dụng năng lượng sạch, năng lượng xanh, thân thiện môi trường	---	☐ Có	☐ Có
3	Cho phép tự động hóa điều khiển	---	☐ Một phần ☐ Toàn phần	☐ Một phần ☐ Toàn phần

STT	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Xe cơ giới trước cải tạo	Xe cơ giới sau cải tạo
4	Kích thước bao ngoài (dài x rộng x cao)	mm		
5	Khoảng cách trục	mm		
6	Vết bánh xe (trước/sau)	mm		
7	Khối lượng bản thân	kg		
8	Số người cho phép chở (ngồi/đứng/nằm): (không bao gồm người lái)	người		
9	Khối lượng hàng chuyên chở cho phép tham gia giao thông	kg		
10	Khối lượng toàn bộ cho phép tham gia giao thông	kg		
11	Động cơ			
...	<i>Các thông số kỹ thuật khác của xe cơ giới nếu có thay đổi do cải tạo</i>			

Xe cơ giới đã được chứng nhận cải tạo đảm bảo an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

....., ngàytháng năm

Đại diện cơ sở đăng kiểm
(ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi :

(1) Ghi số giấy chứng nhận xe cơ giới cải tạo, cách ghi như sau: mã số cơ sở đăng kiểm- số thứ tự/năm/CNXCG. Ví dụ: 2905V-0026/2025/CNXCG.

(2) Ghi tóm tắt nội dung cải tạo chính của xe cơ giới và điền vào bảng.

Mẫu số 02. Mẫu giấy chứng nhận cải tạo xe máy chuyên dùng**CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM
(MÃ SỐ)****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.....(1).....

**GIẤY CHỨNG NHẬN AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
XE MÁY CHUYÊN DỤNG CẢI TẠO**

Biển số đăng ký:.....

Nhãn hiệu/số loại:.....

Số khung:.....

Số động cơ:.....

Nước/năm sản xuất:.....

Chủ xe:.....

Địa chỉ chủ xe:.....

Cơ sở thiết kế:.....

Ký hiệu thiết kế:.....

Cơ sở thi công cải tạo:.....

Biên bản kiểm tra, đánh giá xuất xưởng xe cải tạo số: ngày .../.../.....

Biên bản kiểm tra, đánh giá ATK & BVMT xe cải tạo số: ngày .../.../.....

NỘI DUNG CẢI TẠO.....
.....
.....**THÔNG SỐ KỸ THUẬT (2)**

STT	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Xe máy chuyên dùng trước cải tạo	Xe máy chuyên dùng sau cải tạo
1	Loại phương tiện			
2	Kích thước bao (dài x rộng x cao)	mm		
3	Ký hiệu/loại động cơ			
4	Công suất lớn nhất/ tốc độ quay	kW/rpm		
5	Khối lượng bản thân	kg		

THÔNG SỐ KỸ THUẬT ĐẶC TRƯNG

STT	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Xe máy chuyên dùng trước cải tạo	Xe máy chuyên dùng sau cải tạo
1				

Xe máy chuyên dùng đã được chứng nhận cải tạo đảm bảo an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

....., ngàytháng năm

Đại diện cơ sở đăng kiểm

(ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi :

(1) Ghi số giấy chứng nhận xe máy chuyên dùng cải tạo, cách ghi như sau: mã số cơ sở đăng kiểm- số thứ tự/năm/CNXMD. Ví dụ: 2905V-0026/2025/CNXMD.

(2) Ghi tóm tắt nội dung cải tạo chính của xe máy chuyên dùng và điền vào bảng.

Mẫu số 03. Mẫu giấy chứng nhận cải tạo xe mô tô, xe gắn máy**CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM (MÃ SỐ) CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.....(1).....

**GIẤY CHỨNG NHẬN AN TOÀN KỸ THUẬT
VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG XE MÔ TÔ, XE GẮN MÁY CẢI TẠO**

Biển số đăng ký:.....

Nhãn hiệu/số loại:.....

Số khung:.....

Số động cơ:.....

Nước/năm sản xuất:.....

Chủ xe:.....

Địa chỉ chủ xe:.....

Cơ sở thiết kế:.....

Ký hiệu thiết kế:.....

Cơ sở thi công cải tạo:.....

Biên bản kiểm tra, đánh giá xuất xưởng xe cải tạo số:
.....ngày .../.../.....Biên bản kiểm tra, đánh giá ATKTKT &BVMT xe cải tạo số:
..... ngày .../.../.....**NỘI DUNG CẢI TẠO**.....
.....
.....**THÔNG SỐ KỸ THUẬT (2)**

STT	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Xe mô tô, xe gắn máy trước cải tạo	Xe mô tô, xe gắn máy sau cải tạo
1	Loại phương tiện			
2	Kích thước bao (dài x rộng x cao)	mm		
3	Chiều dài cơ sở	mm		

STT	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Xe mô tô, xe gắn máy trước cải tạo	Xe mô tô, xe gắn máy sau cải tạo
4	Khối lượng bản thân	kg		
5	Số người cho phép chở	người		
6	Khối lượng toàn bộ	kg		
7	Động cơ			
.....	<i>Các thông số kỹ thuật khác của xe mô tô, xe gắn máy nếu có thay đổi</i>			

Xe mô tô, xe gắn máy đã được chứng nhận cải tạo đảm bảo an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường

....., ngàytháng năm

Đại diện cơ sở đăng kiểm
(ký tên, đóng dấu)

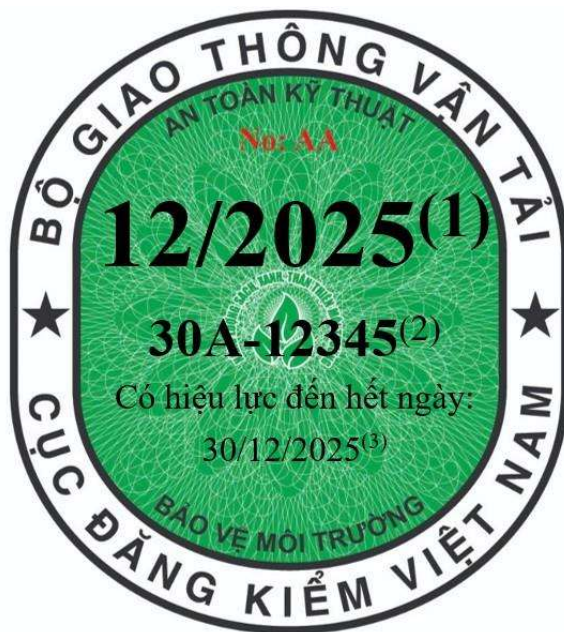
Hướng dẫn ghi :

(1) Ghi số giấy chứng nhận xe mô tô, xe gắn máy cải tạo, cách ghi như sau: mã số cơ sở đăng kiểm- số thứ tự/năm/CNXMM. Ví dụ: 2905V-0026/2025/CNXMM.

(2) Ghi tóm tắt nội dung cải tạo chính của xe mô tô, xe gắn máy và điền vào bảng.

- (1): Ghi chú các nội dung có trên giấy chứng nhận hoặc dữ liệu cấp cho xe cơ giới trong sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu; ghi chú khác (nếu có);
- (2): Dãy số được in tự động từ phần mềm quản lý kiểm định.

2. Mẫu Tem kiểm định



Chú thích:

- (1): In thời hạn tháng/năm hết hiệu lực;
- (2): In biển số xe được cấp tem kiểm định;
- (3): In thời hạn ngày/tháng/năm hết hiệu lực.

Mẫu số 02. Giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định màu vàng cam dùng cho các xe cơ giới khác

1. Mẫu Giấy chứng nhận

CHỦ XE, LÁI XE CẦN BIẾT		BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI CỤC ĐĂNG KÝ VIỆT NAM MOT – Vietnam Register	
<i>Vehicle owners, drivers should be aware of the followings:</i> 1. Khi tham gia giao thông phải mang theo Chứng nhận kiểm định. Nộp lại Chứng nhận kiểm định và Tem kiểm định khi có thông báo thu hồi của Cơ sở đăng kiểm. <i>Vehicle operators must carry the inspection certificate while in traffic. Return the inspection certificate and inspection sticker when receiving a withdrawal notice from the Inspection Centers.</i> 2. Không sử dụng Chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định bị sửa chữa, tẩy xóa nội dung và làm giả. <i>Do not use inspection certificates or inspection stickers that have been altered, erased, or forged.</i> 3. Phải bảo dưỡng, sửa chữa để bảo đảm duy trì tình trạng kỹ thuật của phương tiện; chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật đối với hành vi đưa phương tiện không bảo đảm an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường tham gia giao thông đường bộ. <i>Perform maintenance and repairs to maintain the vehicle's technical condition; legally liable for operating a vehicle that fails to meet technical safety and environmental protection requirements to participate in road traffic.</i> 4. Không cải tạo trái phép; cố ý can thiệp làm sai lệch chỉ số trên đồng hồ báo quãng đường đã chạy; cắt, hàn, tẩy xóa, đục sửa, đóng lại trái phép số khung, số động cơ. <i>Do not conduct unauthorized vehicle modifications; intentionally alter the odometer; or illegally cut, weld, erase, tamper with, or re-stamp the chassis number or engine number.</i> 5. Không tự ý can thiệp, thay đổi phần mềm điều khiển của xe, động cơ của xe đã được đăng ký với cơ quan quản lý nhằm mục đích gian lận kết quả kiểm định; Không thuê, mượn phụ tùng chỉ để thực hiện việc kiểm định. <i>Do not independently interfere with or alter the vehicle's control software or engine registered with regulatory authorities to manipulate inspection results; do not rent or borrow parts solely for inspection purposes.</i> 6. Chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định không còn hiệu lực khi xe bị tai nạn giao thông đến mức không đảm bảo an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường. <i>The inspection certificate and inspection sticker are no longer valid if the vehicle is involved in a traffic accident to the extent that it no longer meets technical safety and environmental protection requirements.</i>		CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG XE CƠ GIỚI PERIODICAL INSPECTION CERTIFICATE OF MOTOR VEHICLE FOR COMPLIANCE WITH TECHNICAL SAFETY AND ENVIRONMENTAL PROTECTION REQUIREMENTS	
Biển đăng ký: _____ Số quản lý phương tiện: _____ (Registration plate) (Vehicle inspection No) Nhóm phương tiện (Vehicle's group): _____ Loại phương tiện (Vehicle's type): _____ Sử dụng năng lượng sạch, năng lượng xanh, thân thiện môi trường: ☐ <i>(Clean, green energy vehicle):</i> Cho phép tự động hóa (Allows automation): ☐ Một phần (Partially) ☐ Toàn phần (Fully) Nhãn hiệu, tên thương mại: _____ (Trademark, Commercial name) Mã kiểu loại (Model code): _____ Số động cơ (Engine No): _____ Số khung (Chassis No): _____ Năm / Nước sản xuất: _____ / _____ Niên hạn sử dụng: _____ (Production year / Country) (Lifetime Limit to) Có kinh doanh vận tải (Commercial use): ☐ Có cải tạo (Modification): ☐		Số lượng lốp/cỡ lốp/trục (The number of tires / tire size / axle): _____ _____ ngày _____ tháng _____ năm _____ (Issued on: Day/Month/Year) CƠ SỞ ĐĂNG KÝ KIỂM ĐỊNH (INSPECTION CENTER) Số phiếu kiểm định (Inspection report No): _____ Có hiệu lực đến hết ngày (Valid until): _____ Vị trí in ảnh tổng thể xe cơ giới khi vào kiểm định (kích thước 80 mm x 60 mm); đối với xe miễn kiểm định lần đầu ghi rõ: "Xe thuộc đối tượng miễn kiểm định lần đầu" (Image Position of Vehicle) Có lắp thiết bị giám sát hành trình (Equipped with tachograph) ☐ Có lắp thiết bị ghi nhận hình ảnh người lái xe (Equipped with camera) ☐ PT không được cấp Tem kiểm định (Vehicle not issued with inspection stamp) ☐ Ghi chú (Notes): (1) xxxxxxxx (2)	
THÔNG SỐ KỸ THUẬT (SPECIFICATIONS) Công thức bánh xe: _____ Vết bánh xe: _____ / _____ (mm) (Wheel formula) (Wheel tread) Kích thước bao (Overall dimensions): _____ (mm) Kích thước lòng/bao thùng xe/bao ngoài xi téc: _____ (mm) (Inside/outside dimensions of cargo deck/outside dimensions of tank) Khoảng cách trục (Wheel base): _____ (mm) Khối lượng bản thân (Kerb mass): _____ (kg) Khối lượng hàng CC theo TK/CP LN: _____ / _____ (kg) (Design/Authorized cargo pay mass) Khối lượng kéo theo TK/CP LN: _____ / _____ (kg) (Design/Authorized towed mass) Khối lượng toàn bộ theo TK/CP LN: _____ / _____ (kg) (Design/Authorized total mass) Số người cho phép chở: chỗ ngồi: _____ chỗ đứng: _____ chỗ nằm: _____ (Không bao gồm người lái) (Permissible No of pers carried, not include driver: seating, standing, lying) Loại động cơ đốt trong (Engine type): _____ Ký hiệu: _____ Thể tích làm việc: _____ (cm³) (Engine model) (Engine displacement) - Công suất lớn nhất/tốc độ quay (Max output/rpm): _____ (kW/rpm) - Loại nhiên liệu (Fuel): _____ Loại động cơ điện (Motor type): _____ - Số lượng, ký hiệu động cơ điện: _____ (Number of motors, motor model) - Điện áp/ Tổng công suất của động cơ điện: _____ (V/kW) (Voltage/ Total rated power of motor) - Loại ắc quy/điện áp-dung lượng: _____ (V-Ah) (Type of battery/voltage-capacity) Ng: (số seri)			

Chú thích:

- (1): Ghi chú các nội dung có trên giấy chứng nhận hoặc dữ liệu cấp cho xe cơ giới trong sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu; ghi chú khác (nếu có);
- (2): Dãy số được in tự động từ phần mềm quản lý kiểm định.

2. Tem kiểm định



Chú thích:

- (1): In thời hạn tháng/năm hết hiệu lực;
- (2): In biển số xe được cấp tem kiểm định;
- (3): In thời hạn ngày/tháng/năm hết hiệu lực.

Mẫu số 03. Giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định màu tím hồng dùng cho xe máy chuyên dùng

1. Mẫu Giấy chứng nhận

CHỦ XE, LÁI XE CẦN BIẾT <i>Vehicle owners, drivers should be aware of the followings:</i> 1. Khi tham gia giao thông phải mang theo Chứng nhận kiểm định. Nộp lại Chứng nhận kiểm định và Tem kiểm định khi có thông báo thu hồi của các Cơ sở đăng kiểm. <i>Vehicle operators must carry the inspection certificate while in traffic. Return the inspection certificate and inspection sticker when receiving a withdrawal notice from the Inspection Centers.</i> 2. Không sử dụng Chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định bị sửa chữa, tẩy xóa nội dung và làm giả. <i>Do not use inspection certificates or inspection stickers that have been altered, erased, or forged.</i> 3. Phải bảo dưỡng, sửa chữa để bảo đảm duy trì tình trạng kỹ thuật của phương tiện, chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật đối với hành vi đưa phương tiện không bảo đảm an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường tham gia giao thông đường bộ. <i>Perform maintenance and repairs to maintain the vehicle's technical condition; legally liable for operating a vehicle that fails to meet technical safety and environmental protection requirements to participate in road traffic.</i> 4. Không cải tạo trái phép; cố ý can thiệp làm sai lệch chỉ số trên đồng hồ báo quãng đường đã chạy, đồng hồ báo thời gian đã làm việc; cắt, hàn, tẩy xóa, đục sửa, đóng lại trái phép số khung, số động cơ. <i>Do not conduct unauthorized vehicle modifications; intentionally alter the odometer, hour meter gauge; or illegally cut, weld, erase, tamper with, or re-stamp the chassis number or engine number.</i> 5. Không tự ý can thiệp, thay đổi phần mềm điều khiển của xe, động cơ của xe đã được đăng ký với cơ quan quản lý nhằm mục đích gian lận kết quả kiểm định; Không thuê, mượn phụ tùng chỉ để thực hiện việc kiểm định. <i>Do not independently interfere with or alter the vehicle's control software or engine registered with regulatory authorities to manipulate inspection results; do not rent or borrow parts solely for inspection purposes.</i> 6. Chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định không còn hiệu lực khi xe bị tai nạn giao thông đến mức không đảm bảo an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường. <i>The inspection certificate and inspection sticker are no longer valid if the vehicle is involved in a traffic accident to the extent that it no longer meets technical safety and environmental protection requirements.</i>	 BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM MOT – Vietnam Register No: AA CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG XE MÁY CHUYÊN DỤNG PERIODICAL INSPECTION CERTIFICATE OF TRANSPORT CONSTRUCTION MACHINERY - TCM FOR COMPLIANCE WITH TECHNICAL SAFETY AND ENVIRONMENTAL PROTECTION REQUIREMENTS Biên đăng ký: Số quản lý phương tiện: <i>(Registration plate) (Vehicle inspection No)</i> Loại XMCD (TCM's type): <i>(Trademark, Commercial name)</i> Nhãn hiệu, tên thương mại: <i>(Trademark, Commercial name)</i> Mã kiểu loại (Model code): Số động cơ (Engine No): Số khung (Chassis No): Năm / Nước sản xuất: <i>(Production year / Country)</i> Có cải tạo (Modification): ☐
1. THÔNG SỐ KỸ THUẬT CƠ BẢN (Major technical specifications) Khối lượng bản thân (Kerb mass): (kg) Khối lượng toàn bộ (Gross mass): (kg) Kích thước bao (Overall Dimensions): (mm) Loại động cơ đốt trong (Engine type): - Ký hiệu: Thể tích làm việc: (cm³) <i>(Engine model) (Engine displacement)</i> - Công suất lớn nhất/tốc độ quay (Max output/rpm): (kW/rpm) - Loại nhiên liệu (Fuel): - Loại động cơ điện (Motor type): - Số lượng, ký hiệu động cơ điện: <i>(Number of motors, motor model)</i> - Điện áp/ Tổng công suất của động cơ điện: (V/kW) <i>(Voltage/ Total rated power of motor)</i> - Loại ắc quy/điện áp-đung lượng: (V-Ah) <i>(Type of battery/voltage-capacity)</i> Vận tốc di chuyển lớn nhất (Max travelling speed): (km/h) 2. THÔNG SỐ KỸ THUẬT ĐẶC TRƯNG (Special technical specifications)⁽¹⁾ Ng: (số seri)	Ngày / Địa điểm kiểm định: <i>(Inspection Date / Site)</i> Số biên bản kiểm định: <i>(Inspection Report No)</i> ngày tháng năm <i>(Issued on: Day/Month/Year)</i> CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM (INSPECTION CENTER) Có hiệu lực đến hết ngày: <i>(Valid until):</i> Vị trí in ảnh tổng thể xe máy chuyên dùng (kích thước 80 mm x 60 mm); đối với xe miễn kiểm định lần đầu ghi rõ: "Xe thuộc đối tượng miễn kiểm định lần đầu" <i>(Image Position of TCM)</i> PT không được cấp Tem kiểm định (Vehicle not issued with inspection stamp) ☐ Ghi chú (Notes): ⁽²⁾ xxxxxxxx ⁽³⁾

Chú thích:

(1): Được ghi nhận theo từng loại xe máy chuyên dùng theo quy định tại Thông tư quy định về trình tự, thủ tục chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng xe cơ giới trong nhập khẩu;

(2): Ghi chú các nội dung có trên giấy chứng nhận hoặc dữ liệu cấp cho xe máy chuyên dùng trong sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu; ghi chú khác (nếu có);

(3): Dãy số được in tự động từ phần mềm quản lý kiểm định.

2. Tem kiểm định**Chú thích:**

(1): In thời hạn tháng/năm hết hiệu lực;

(2): In biển số xe được cấp tem kiểm định;

(3): In thời hạn ngày/tháng/năm hết hiệu lực.

Phụ lục III**QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ
LĨNH VỰC ĐĂNG KIỂM THUỘC CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC
CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI THÀNH PHỐ HÀ NỘI***(Ban hành kèm theo Quyết định số 933/QĐ-UBND ngày 24 tháng 02 năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)*

STT	Thứ tự QTNB bị bãi bỏ tại Quyết định quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính của Chủ tịch UBND Thành phố	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định bãi bỏ
1.	QT-01, Phụ lục 1 kèm theo Quyết định số 1085/QĐ- UBND ngày 28/2/2024 của Chủ tịch UBND Thành phố	Cấp giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo	Thông tư số 47/2024/ TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định trình tự, thủ tục kiểm định, miễn kiểm định lần đầu cho xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; trình tự, thủ tục chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo; trình tự, thủ tục kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.
2.	QT-01, Phụ lục 1 kèm theo Quyết định số 5733/QĐ- UBND ngày 01/11/2024 của Chủ tịch UBND Thành phố	Cấp Giấy chứng nhận, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với phương tiện giao thông cơ giới đường bộ	
3.	QT-03, Phụ lục I kèm theo Quyết định số 1146/QĐ- UBND ngày 23/3/2020 của Chủ tịch UBND Thành phố	Cấp Giấy chứng nhận lưu hành, tem lưu hành cho xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ	
4.	QT-04, Phụ lục I kèm theo Quyết định số 1146/QĐ- UBND ngày 23/3/2020 của Chủ tịch UBND Thành phố	Cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trong kiểm tra lưu hành xe chở người bốn bánh có gắn động cơ	
5.	QT-02, Phụ lục 1 kèm theo Quyết định số 1085/QĐ- UBND ngày 28/2/2024 của Chủ tịch UBND Thành phố	Cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo	

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI XUẤT BẢN

Địa chỉ: 12 Lê Lai - Hoàn Kiếm - Hà Nội
Điện thoại: 024.38253536 - 024.37739442
Fax: 024.37739443
Email: congbao@hanoi.gov.vn
Website: www.hanoi.gov.vn